

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM -
CTCP**

Hà Nội, tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	3
1. Thông tin chung.....	3
2. Ngành, nghề và địa bàn kinh doanh	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
4. Định hướng phát triển.....	11
5. Các rủi ro	15
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	20
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	20
2. Tổ chức và nhân sự.....	21
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	24
4. Tình hình tài chính Công ty mẹ	30
5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm.....	31
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty.....	32
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	36
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2. Tình hình tài chính.....	36
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	37
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	37
4.1. Công tác chi đạo điều hành.....	37
4.2. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động	38
4.3. Công tác thị trường.....	39
4.4. Công tác quản lý tài chính	40
4.5. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động	40
4.6. Công tác đầu tư.....	40
4.7. Công tác phát triển nguồn nhân lực.....	40
4.8. Xây dựng thương hiệu Tổng Công ty.....	40

4.9. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	41
4.10. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng.....	41
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty	41
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	43
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty	43
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty	50
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT	53
PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023	55

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung

- Tên Công ty/ Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM – CTCP**
- Tên Tiếng Anh : Vietnam Machinery Installation Corporation – JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 19/05/2024.
- Vốn điều lệ : 797.261.040.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 797.261.040.000 đồng
- Địa chỉ : Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại : 024 38637747
- Website : <http://www.lilama.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : LLM

Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (gọi tắt là LILAMA) trước đây là doanh nghiệp do Bộ Xây dựng sở hữu 100% vốn điều lệ; hoạt động trong các lĩnh vực xây lắp, gia công, chế tạo thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng với đội ngũ cán bộ, kỹ sư có trình độ khoa học kỹ thuật cao, công nhân lành nghề và phương tiện, máy móc thi công chuyên ngành tiên tiến.

❖ Giai đoạn 1960 - 1975:

Ngày 01/12/1960, Công ty Lắp máy được ra đời. Từ những bước chập chững đầu tiên, người thợ lắp máy đã tham gia lắp đặt thành công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng và quốc phòng quan trọng như: Thủy điện Thác Bà, Cao Bằng, nhiệt điện Hàm Rồng, Lào Cai, Việt Trì, Ninh Bình, Ưông Bí, khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy phân đạm Hà Bắc, nhà máy đường Vạn Điểm 2, nhà máy Suppe phốt phát Lâm Thao, nhà máy cơ khí Cẩm Phá, nhà máy Dệt 8/3, nhà máy xi măng Hải Phòng mở rộng...

Năm 1960, Công ty đã vinh dự nhận cờ thi đua của Hồ Chủ tịch, nhiều lần được Chủ tịch nước tặng lẵng hoa, Chính phủ tặng cờ thi đua, bằng khen...

❖ **Giai đoạn 1976 - 1995:**

Ngày 11/10/1979, Công ty Lắp máy chuyển sang hoạt động theo mô hình Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy.

Từ năm 1993 khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng vọt, nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài được triển khai đầu tư xây dựng. Những người thợ Lắp máy lại tiếp tục thực hiện, hoàn thành bàn giao nhiều công trình đúng, vượt tiến độ với chất lượng cao như công trình: Chân đế giàn khoan Dầu khí, nhà máy Giấy Bãi Bằng, nhà máy Giấy Tân Mai, lắp các trạm biến áp, trạm bù, gia công trên 3000 tấn cột điện thuộc hệ thống đường dây tải điện 500 KV Bắc Nam và hàng ngàn tấn cột phát sóng truyền hình Viba trong cả nước, gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị cho nhà máy bột ngọt VEDAN, nhà máy Xi măng Chinfon, Hải Phòng, thủy điện Trị An, Thác Mơ, Yaly đạt yêu cầu; tham gia thi công nhiều công trình có quy mô lớn ở nước ngoài như trường đại học Oran ở Angiêri, nhà máy nhiệt điện ở Bungari, Liên bang Nga và các công trình ở I rắc, Libi... Đặc biệt chế tạo được các loại bình, bồn, bể chứa khí gas, chứa dầu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế cho các dự án như Shell Gas Hải Phòng, Sài Gòn Petro, Petro Việt Nam...

Ngày 01/12/1995, ngành Lắp máy Việt Nam lại một lần nữa chuyển đổi mô hình hoạt động từ Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy thành Tổng Công ty lắp máy Việt Nam. Đây là bước ngoặt, đánh dấu sự thay đổi to lớn về chất cho các doanh nghiệp nhà nước nói chung và Tổng Công ty lắp máy Việt Nam nói riêng.

Những đóng góp của LILAMA đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + 1 Huân chương Chiến công
- + 5 Huân chương Độc lập hạng Ba
- + 2 Huân chương Độc lập hạng Nhì
- + 3 Huân chương Độc lập hạng Nhất

❖ **Giai đoạn 1996 - 2000:**

Ban Lãnh đạo LILAMA đã xây dựng "*Chiến lược phát triển Tổng Công ty đến năm 2010*", chia làm ba giai đoạn theo đúng định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đây là chiến lược phát triển đúng đắn, táo bạo, khoa học, phù hợp với thực tiễn phát triển của Tổng Công ty và đất nước.

Công tác chế tạo và lắp đặt thiết bị được áp dụng theo công nghệ hiện đại với những thiết bị thi công tiên tiến mang lại thành công to lớn cho ngành Lắp máy. Chất lượng sản phẩm được nâng cao, thời gian thi công được rút ngắn ví dụ như: nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 công suất 440MW

trước đây lắp đặt trong 8 năm, nay nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 có công suất gần gấp 1,5 lần thời gian thi công dưới 2 năm, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có công suất 1.080MW chỉ thi công trong gần 2 năm. Tiến độ thi công các công trình được thực hiện nhanh chóng nhưng vẫn thỏa mãn các yêu cầu khắt khe về chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trải qua quá trình phấn đấu, phát triển không ngừng, thành tích của Tổng Công ty được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh vào năm 2000.

❖ **Giai đoạn 2001 - 2005:**

Đây là giai đoạn quyết định của LILAMA trong vai trò Tổng thầu EPC. Tổng Công ty lắp máy Việt Nam được giao là Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng công suất 300MW với vốn đầu tư gần 300 triệu USD. Sự kiện này đã đưa LILAMA từ vai trò làm thầu phụ thực hiện phần việc "C", nay trở thành nhà thầu chính. LILAMA đảm nhận toàn bộ cả phần "E" và "P", tức cả tư vấn thiết kế và cung cấp vật tư, thiết bị đối với công trình; dự án nhiệt điện Cà Mau 1 công suất 750MW với giá trị 360 triệu USD.

Năm 2005, LILAMA kỷ niệm 45 năm thành lập với dấu ấn đặc biệt quan trọng. Tại dự án Trung tâm Hội nghị Quốc gia - công trình được thực hiện theo tiêu chuẩn Châu Âu được xây dựng tại Việt Nam, LILAMA đã tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất của mình để đảm nhận khối lượng công việc trên 40% toàn bộ dự án, bàn giao công trình đúng tiến độ và đạt chất lượng cao, phục vụ hội nghị thượng đỉnh APEC tháng 11/2005.

Những đóng góp của LILAMA cho sự nghiệp phát triển đất nước được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Tổng Công ty lắp máy Việt Nam được tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới. Sự kiện này khẳng định sự thành công của LILAMA trong quá trình đổi mới và phát triển, tạo ra các tiền đề cơ bản về cơ sở vật chất, năng lực quản lý để thực hiện thành công nhiệm vụ trong chiến lược phát triển của mình.

❖ **Giai đoạn 2006 - 2010:**

Năm 2006, LILAMA tiếp tục được chọn là nhà Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Cà Mau 2 công suất 750 MW với giá trị 330,3 triệu USD, tiếp đến là dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 1 công suất 450 MW giá trị gần 305 triệu USD. Chỉ trong thời gian 11 tháng, LILAMA ký 03 Hợp đồng EPC nhà máy điện với tổng công suất 1.950MW, tổng giá trị gần 1 tỷ USD (gồm cả nhà máy điện Cà Mau 1).

Quý I/2009, nhà máy Lọc dầu Dung Quất được bàn giao cho Chủ đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, những sản phẩm xăng dầu đầu tiên của Việt Nam được bắt nguồn từ đây. Tiếp đến là việc bàn giao đúng tiến độ nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 tháng 4/2009, nhà máy xi măng Sông Thao tháng 11/2009. Các nhà máy thủy điện Sông Vàng, Sông Ông cũng đã hòa lưới điện quốc gia...

Ngày 9/4/2009, LILAMA tiếp tục ký 02 hợp đồng EPC dự án nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 1.200MW và dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 2 công suất 750MW với tổng giá trị hợp đồng gần 1,7 tỷ USD.

❖ **Giai đoạn 2010 - nay:**

Năm 2010, LILAMA chuyển đổi sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 93/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà và đến năm 2012, Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà đã chuyển quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại LILAMA về Bộ Xây dựng theo Quyết định số 913/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

LILAMA đã thực hiện thành công, bàn giao đưa vào sử dụng ổn định dự án nhiệt điện đốt than Vũng Áng 1 có công suất lớn nhất tại Việt Nam; hoàn thành bàn giao dự án thủy điện Hòa Na, dự án nhiệt điện Sông Hậu 1, đang là thành viên của Liên doanh Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4.

Cùng với việc làm Tổng thầu EPC tại các dự án trọng điểm quốc gia, LILAMA cũng đã mở rộng thị trường sang các dự án năng lượng xanh, đặc biệt là lĩnh vực chế tạo tổ hợp các Module (“Mô-đun”) thiết bị cỡ lớn cho các nhà máy sản xuất khí hydro xanh thông qua các hợp đồng chế tạo với các bạn hàng quốc tế để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu là bước chuyển mình cần thiết để sớm tham gia vào xu thế chuyển dịch năng lượng với nguồn “Green Hydrogen – Hydro xanh” này. Đây là dấu mốc quan trọng khẳng định tay nghề và năng lực của LILAMA và chính thức tham gia vào các dự án năng lượng xanh, sạch cỡ lớn trên phạm vi toàn cầu, đồng thời LILAMA cũng là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới tham gia vào chuỗi cung cấp dây chuyền sản xuất hydro xanh toàn cầu.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành LILAMA đã thực hiện và bàn giao hàng ngàn dự án lớn nhỏ, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. LILAMA được đánh giá là Tổng thầu EPC hàng đầu Việt Nam, là một trong những nhà thầu xây lắp đứng đầu trong lĩnh vực thi công các công trình công nghiệp và dân dụng tại Việt Nam. Bước sang năm 2016, Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và chuyển thành Công ty cổ phần. Đến ngày 16/08/2017, cổ phiếu của Tổng Công ty đã chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán cho công ty chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: LLM. Đây được đánh giá là một bước thay đổi quan trọng, hứa hẹn mở ra một giai đoạn phát triển thành công mới của Tổng Công ty.

2. Ngành, nghề và địa bàn kinh doanh

**Tổng thầu EPC,
nhà thầu xây lắp**

- Nhà thầu EPC số 1 tại Việt Nam, thực hiện các dự án lớn với vai trò là tổng thầu EPC.
- Nhà thầu lắp máy uy tín nhất Việt Nam với các dự án lắp máy tiêu biểu như: Tua bin, máy phát của các nhà máy nhiệt điện công suất 100 -> 600 MW, nhà máy thủy điện 240MW...



Cơ khí chế tạo

- Chế tạo đến 75% các thiết bị cho các dự án nhiệt điện, thủy điện, xi măng, đóng tàu, dầu khí mà LILAMA là tổng thầu.
- Năng lực chế tạo cơ khí dẫn dầu trên thị trường hiện nay.

Lĩnh vực khác

- Hoạt động tư vấn, thiết kế, quản lý dự án: nâng cao năng lực cạnh tranh cho LILAMA.
- Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh khác.



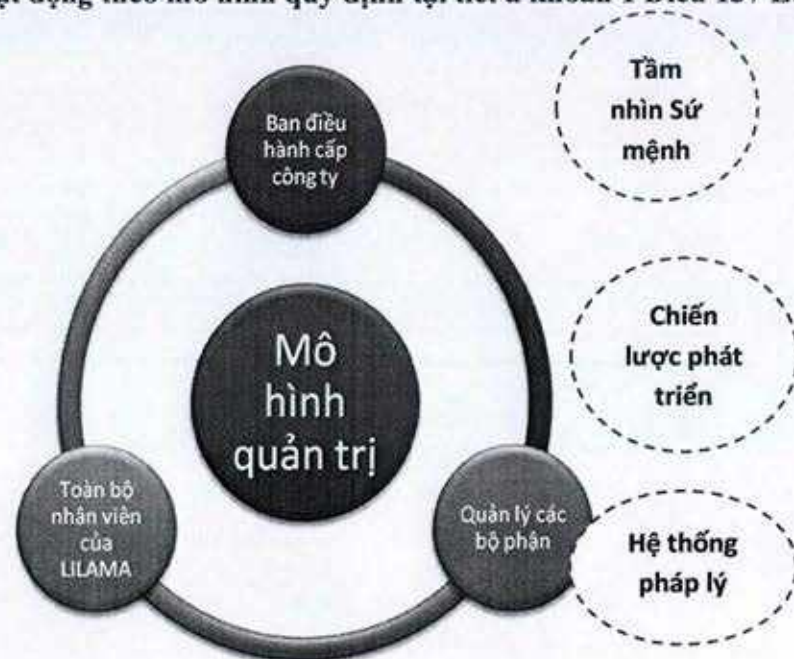
Trụ sở chính: 124 Minh Khai,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà
Nội

VPĐD: 9/12 Hồ Tùng Mậu,
Quận 1, thành phố Hồ Chí
Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Tổng Công ty

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại tiết a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

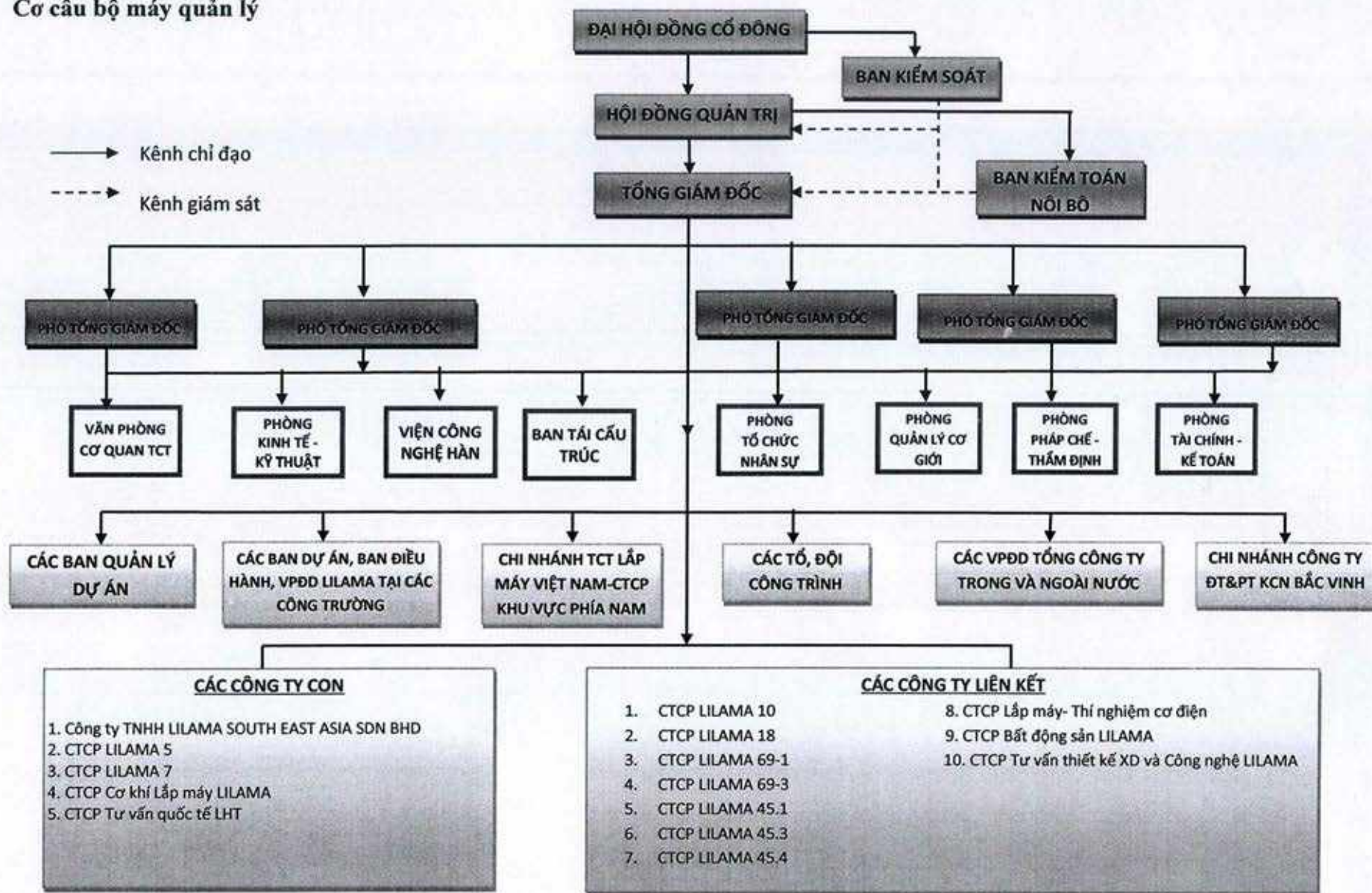


LILAMA sử dụng mô hình quản trị 3 cấp:

- Cấp Công ty: Bao gồm Ban điều hành Tổng Công ty (Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc), Ban quản lý các công ty con.
- Cấp bộ phận: Bao gồm các trường, phó phòng của các phòng chức năng Tổng Công ty; người đại diện vốn của Lilama tại các công ty liên kết.
- Cấp chức năng: Bao gồm toàn bộ cán bộ công nhân viên của LILAMA, là người trực tiếp thực hiện các chính sách, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty vẫn luôn chú trọng đến những yếu tố nội tại - ngoại cảnh tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, bao gồm: các rủi ro phát sinh trực tiếp trong quá trình hoạt động (như rủi ro về hoạt động kinh doanh, rủi ro về nhân lực...); những chiến lược phát triển phải phù hợp với tiềm năng của thị trường, tầm nhìn - sứ mệnh phát triển của Tổng Công ty; quan trọng nhất là đảm bảo việc tuân thủ những quy tắc, quy định của hệ thống pháp lý nơi diễn ra những hoạt động kinh doanh của LILAMA trong và ngoài nước.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con của LILAMA

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ		NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)		
1.	Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SDN BHD	17.102	99,00	Xây lắp, gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí	Liang, Brunei
2.	CTCP LILAMA 5	51.497	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	179 đường Trần Phú, Ba Đình, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa
3.	CTCP LILAMA 7	50.000	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Số 332, đường 2/9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng
4.	CTCP Cơ khí Lắp máy LILAMA	32.651	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	72E đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5.	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	9.600	60,00	Tư vấn thiết kế	Tầng 3, Tòa nhà 21 tầng Lilama, 124 Minh Khai, Hà Nội

Các công ty liên kết

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ		NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)		
1.	CTCP LILAMA 10	98.900	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Tòa nhà Lilama 10, Lê Văn Lương, Nam Từ Liêm, Hà Nội
2.	CTCP LILAMA 18	93.887	36,00	Cơ khí chế tạo,	Lầu 9/19 Hồ Tùng Mậu,

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ		NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)		
				xây lắp	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3.	CTCP LILAMA 69-1	75.762	41,10	Cơ khí chế tạo, xây lắp	17 Lý Thái Tổ, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
4.	CTCP LILAMA 69-3	82.794	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	515 Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, Tp. Hải Dương
5.	CTCP LILAMA 45.1	48.000	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 11, Đường 319 B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
6.	CTCP LILAMA 45.3	35.000	40,83	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Tp. Quảng Ngãi
7.	CTCP LILAMA 45.4	40.000	35,06	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Xa Lộ Hà Nội, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, P. Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
8.	CTCP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	15.000	36,18	Tư vấn thiết kế	434-436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
9.	CTCP Bất động sản LILAMA	104.713	27,93	Thương mại, dịch vụ BĐS, XNK,...	Tầng 2, số 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
10.	CTCP Tư vấn thiết kế Xây dựng và công nghệ LILAMA	4.400	45,45	Tư vấn thiết kế	Tầng 1, Tòa nhà E3A, tòa nhà 12 tầng, khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

❖ Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn

Tổng Công ty, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài nước, khẳng định LILAMA là thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong vai trò tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp, nhà chế tạo dây chuyền thiết bị đồng bộ của các dự án công nghiệp để tiến tới tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu của các công ty đa quốc gia.

- Xây dựng Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP và các đơn vị thành viên trở thành các doanh nghiệp mạnh, có tiềm lực tài chính, có trình độ công nghệ và quản lý hiện đại, phát triển tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính đã lựa chọn, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

❖ **Mục tiêu cụ thể**

- Mục tiêu về ngành nghề kinh doanh: Tập trung vào 2 ngành kinh doanh chính mà LILAMA có tiềm năng tăng trưởng, khả năng cạnh tranh cao là (1) Ngành EPC, xây lắp và (2) Ngành Cơ khí chế tạo.
- Mục tiêu về tài chính:
 - o Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, xây dựng LILAMA có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, bền vững, hướng tới tăng trưởng;
 - o Tăng quy mô vốn điều lệ để tăng nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển;
 - o Tái cơ cấu nợ nhằm giảm hệ số nợ ở mức hợp lý, an toàn, giảm chi phí tài chính bằng việc tăng vốn điều lệ, đẩy nhanh vòng quay vốn, thay thế các khoản vay có thời gian vay ngắn, lãi suất cao bằng các khoản vay thời gian dài, lãi suất hợp lý và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp;
 - o Tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả tối ưu, tập trung vốn đầu tư nâng cao năng lực cho các ngành sản xuất kinh doanh chính.
- Mục tiêu về tổ chức, nguồn nhân lực:
 - o Hoàn thiện việc xây dựng cơ cấu tổ chức mới, tinh gọn và hoàn thành thoái vốn tại các đơn vị không thuộc ngành kinh doanh chính/hoạt động không hiệu quả.
 - o Đảm bảo nhân lực đáp ứng kế hoạch phát triển trong các ngành kinh doanh chính căn cứ theo doanh thu. Nâng cao tỷ lệ sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ.
 - o Tinh giản bộ máy để phù hợp với mô hình hoạt động và tăng năng suất lao động.
 - o Từng bước nâng cao hiệu quả của người lao động và thu nhập bình quân đầu người lên mức cao hơn.

- Mục tiêu về quản trị:
 - o Tổng Công ty tiếp tục đóng vai trò là nhà hoạch định, kiểm soát chiến lược; tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh; điều phối chung các hoạt động của doanh nghiệp có vốn góp của LILAMA và các nhà thầu; thoái vốn triệt để tại các đơn vị không thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc đơn vị hoạt động kém hiệu quả, không phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty.
 - o LILAMA sẽ xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp và phù hợp với các thông lệ tốt của quốc tế, ban hành và áp dụng bộ quy tắc quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự công bằng, tính minh bạch, tính trách nhiệm

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chuẩn hóa và củng cố mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để LILAMA trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế, đầy đủ khả năng và sức mạnh để đảm trách vai trò tổng thầu EPC các dự án công nghiệp lớn trong nước, tiếp tục khẳng định thương hiệu LILAMA để vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.
- Khẳng định vị trí đứng đầu Việt Nam về ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, tăng cường hơn nữa uy tín và khả năng cạnh tranh, chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng để đáp ứng và đủ điều kiện tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu.

Các mục tiêu phát triển bền vững

LILAMA kiên định mục tiêu phát triển bền vững của mình là trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế; tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty; Đóng góp, xây dựng phát triển thị trường lắp máy Việt Nam trở thành một trong những mũi nhọn phát triển của đất nước, có tầm ảnh hưởng đến thị trường quốc tế; Đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Mô hình phát triển bền vững của Tổng Công ty:

Cấp quản trị	Chức năng - Nhiệm vụ
Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo chung về chiến lược - Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động
Ban Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT - Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt

Cấp quản trị	Chức năng - Nhiệm vụ
Các Phòng/Ban nghiệp vụ	- Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
Cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty	- Thực hiện các công việc cụ thể hàng ngày có liên quan đến các mục tiêu phát triển của Tổng Công ty và của Phòng, Ban nghiệp vụ.

Mô hình phát triển bền vững của LILAMA có nhiệm vụ gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển bền vững của Tổng Công ty; nhờ đó mà mô hình này có ảnh hưởng tích cực đến những người liên quan cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Là một nhà thầu uy tín, LILAMA nhận thức rõ và có ý thức trách nhiệm cao trong công tác gìn giữ và bảo vệ môi trường. Trong tất cả những công trình mà LILAMA là nhà thầu chính hoặc chủ đầu tư, Tổng Công ty đều cố gắng giảm đến mức tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, không để xảy ra khiếu nại/khiếu kiện về vấn đề an toàn môi trường; những phản ánh, đánh giá không tốt của đối tác về tiêu chuẩn chất lượng xây dựng và bảo vệ môi trường tại Việt Nam và trên thị trường quốc tế. Tổng Công ty đã cố gắng đầu tư mua sắm các trang thiết bị thi công hiện đại để đảm bảo mức hao phí nhiên liệu và khí thải được giảm thiểu tối đa.

Tổng Công ty cam kết bảo vệ và gìn giữ môi trường, tăng cường sức khỏe, an toàn và an ninh cho nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, cộng đồng nơi LILAMA hoạt động và công chúng nói chung. Trong các hoạt động của mình, Tổng Công ty luôn cố gắng để đảm bảo: *“Không có tai nạn, không có thiệt hại đối với môi trường tự nhiên và xã hội, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của cộng đồng ở những nơi có các hoạt động của LILAMA”*.

5. Các rủi ro

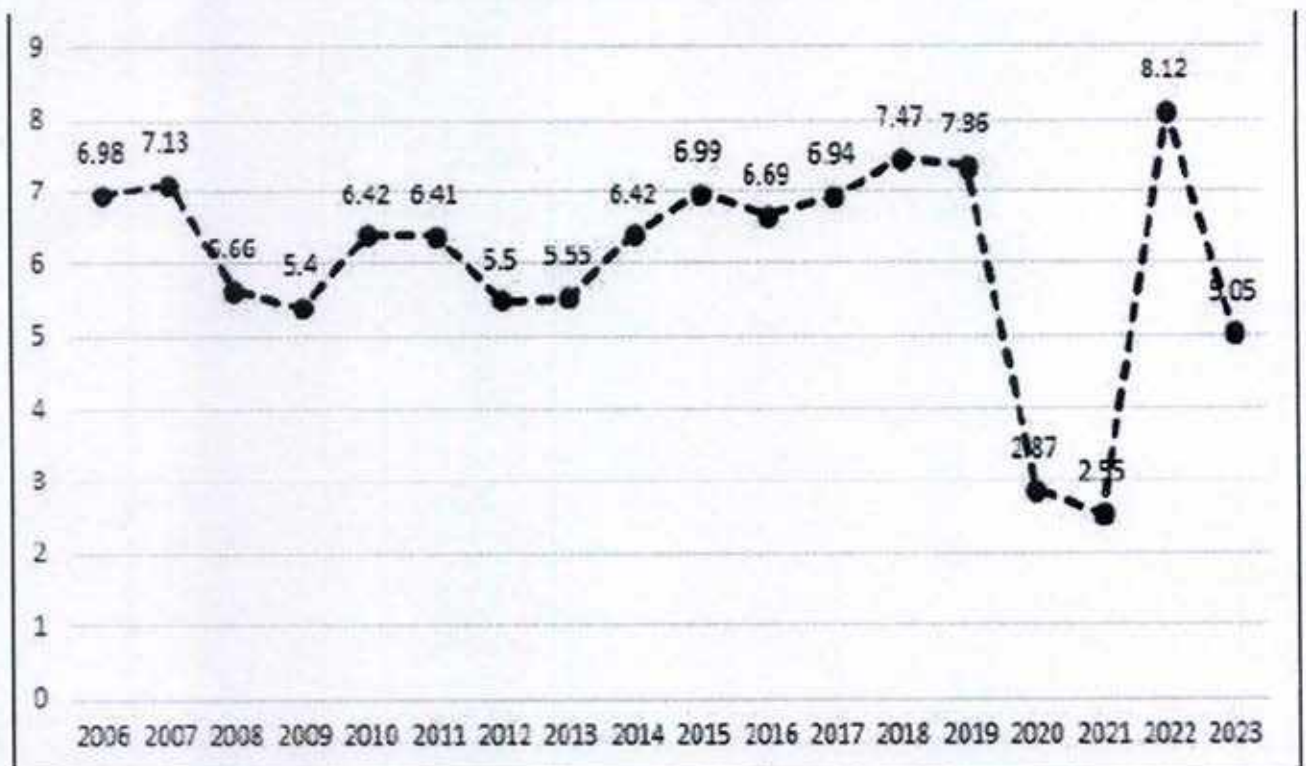
Rủi ro về nền kinh tế

Thực trạng nền kinh tế Việt Nam năm 2023

Tăng trưởng kinh tế năm 2023 đạt 5,05%, thấp hơn so với năm 2022 (8,12%) và so với mục tiêu tăng trưởng đề ra (6,5%). Nguyên nhân là do sức sản xuất của các doanh nghiệp, sức mua của người tiêu dùng chưa phục hồi vững chắc sau đại dịch COVID-19. Cùng với đó, nền kinh tế thế giới xảy ra nhiều bất ổn, chưa có dấu hiệu ổn định trở lại ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta vốn có độ mở cửa lớn.

Tăng trưởng kinh tế năm 2023 chỉ cao hơn so với tăng trưởng kinh tế năm 2020 (2,87%) và 2021 (2,55%) là 2 năm nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19 và tăng trưởng kinh tế ở mức thấp nhất trong giai đoạn kể từ năm 2011 đến nay. Điều này cho thấy, tăng trưởng kinh tế thiếu vững chắc và chệch khỏi quỹ đạo tăng trưởng bình thường của giai đoạn trước đại dịch COVID-19.

Tăng trưởng kinh tế 2006 – 2023 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê (2023)

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2022, 2023), năm 2023, tăng trưởng sản lượng trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3,83%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, khu vực dịch vụ đạt 6,82%. Năm 2022, sản lượng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 3,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 7,78%, khu vực dịch vụ tăng 9,99%. Như vậy, khu vực nông,

lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là bộ đỡ và là vùng đệm cho nền kinh tế trong lúc khó khăn. Sự suy giảm tăng trưởng kinh tế năm 2023 so với năm 2022 là do tăng trưởng trong khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ năm 2023 thấp hơn năm 2022 lần lượt là 4,04; 3,17 điểm phần trăm.

Bức tranh phát triển doanh nghiệp năm 2023 nói lên nhiều điều. Trong năm 2023, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động tăng 4,5% so với năm trước và số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 20,5%. Như vậy, đã có một sự suy giảm số lượng doanh nghiệp năm 2023 so với năm 2022. Bức tranh phát triển doanh nghiệp năm 2022 và năm 2023 cho thấy những khó khăn, thách thức mà nền kinh tế nói chung và khu vực doanh nghiệp nói riêng gặp phải. Điều này cũng gợi ý các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi, phát triển cần tiếp tục, thậm chí tăng cường như chính sách tiền tệ - lãi suất thấp, điều kiện vay vốn thuận lợi, chính sách tài khóa như giảm thuế, tăng chi tiêu

Triển vọng kinh tế vĩ mô 2024

Triển vọng kinh tế năm 2024 sẽ vẫn tiếp tục khó khăn. Các rủi ro, thách thức bên ngoài chưa có dấu hiệu được giải quyết mà có nguy cơ sẽ còn lớn hơn so với năm 2023.

Hoạt động đầu tư và thương mại quốc tế của nước ta được dự báo sẽ vẫn tiếp tục trải qua một năm khó khăn. Việc đầu tư và thương mại thu hẹp ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng kinh tế nước ta, đến lao động, việc làm và thu nhập, do đó ảnh hưởng đến tiêu dùng hộ gia đình vốn chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng cầu của nền kinh tế.

Cuộc chiến Nga – Ukraine sẽ khó chấm dứt trong năm 2024, thậm chí căng thẳng còn tiếp tục gia tăng nếu hai bên không tìm ra được tiếng nói chung trên các bàn đàm phán. Các xung đột tại khu vực Trung Đông vẫn đang leo thang và lan rộng. Cuộc chiến xung đột vẫn diễn ra sẽ làm tăng giá năng lượng, lương thực và làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, đẩy cước phí vận chuyển gia tăng.

Như vậy, không chỉ tổng cầu thu hẹp mà cú sốc tổng cung sẽ làm cho nền kinh tế thế giới có nguy cơ rơi vào trạng thái đình lạm: Lạm phát cao đi kèm với đình đốn trong hoạt động sản xuất. Khi rơi vào trạng thái này, nền kinh tế không có sự đánh đổi hay mất mát này nhưng được mặt kia mà về cơ bản tổng thể nền kinh tế bị thiệt hại. Tăng trưởng giảm, việc làm giảm, thất nghiệp tăng và bất ổn kinh tế vĩ mô gia tăng. Đây sẽ là bức tranh có khả năng xuất hiện nhất của nền kinh tế toàn cầu trong năm 2024.

Đứng trước bối cảnh nền kinh tế thế giới rơi vào trạng thái nói trên, nền kinh tế nước ta sẽ gặp rất nhiều khó khăn và việc hoạch định chính sách sẽ gặp phải các khó khăn, thách thức lớn. Nếu chỉ có vấn đề lạm phát thì có thể thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt và nếu chỉ có vấn đề về tổng cầu thì có thể thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng. Tuy nhiên, triển vọng năm 2024 là hai vấn đề cùng xuất hiện đồng thời (trạng thái đình lạm) nên việc thực hiện chính sách tiền tệ hay tài khóa hay kết hợp cả hai đòi hỏi sự khéo léo, cân trọng và tinh tế.

Bên cạnh đó, nền kinh tế trong nước cũng sẽ gặp không ít khó khăn, thách thức. Những vấn đề tồn tại trong năm 2023 chưa dễ được giải quyết nên trong năm 2024 các vấn đề này sẽ vẫn tiếp tục tồn tại. Những rủi ro trên thị trường tài chính, thị trường bất động sản, nợ xấu... sẽ còn hiện hữu.

Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Tổng Công ty sau khi cổ phần hóa sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019,... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Tổng Công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự thay đổi của các văn bản pháp luật cũng làm nảy sinh rủi ro tranh chấp, kiện tụng, bồi thường nếu Tổng Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

Rủi ro đặc thù

- Rủi ro thị trường:

Đối với ngành nghề EPC: Thị trường và nguồn việc truyền thống của LILAMA đến từ các dự án nhà máy điện (nhiệt điện đốt than, khí, dầu; thủy điện), các dự án nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy xi măng, nhà máy hóa chất, nhà máy thép... Trong đó, các dự án nhiệt điện đốt than, thủy điện, lọc hóa dầu, xi măng chiếm tới 80% doanh thu của LILAMA. Trong thời gian tới, các dự án nhà máy nhiệt điện đốt than sẽ không được phép đầu tư do ảnh hưởng của phát thải tới môi trường, các nhà máy thủy điện cũng đã khai thác hết tiềm năng chỉ còn lại các dự án mở rộng và nâng công suất, các lĩnh vực còn lại cũng hạn chế đầu tư do thị trường tiêu thụ đã gần đến tiệm cận bão hòa hoặc chưa được bổ sung trong qui hoạch định hướng phát triển chung. LILAMA cũng không thể trông chờ vào nguồn việc từ các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì trong các dự án này tỷ trọng công việc sở trường của LILAMA chiếm tỷ trọng rất thấp. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn công việc của các doanh nghiệp xây lắp, đặc biệt là những doanh nghiệp trong

chuỗi cung ứng toàn cầu. LILAMA là một doanh nghiệp hội nhập sâu rộng với quốc tế, không ngoại lệ, bị tác động toàn cục, lên toàn hệ thống trong những năm tới. Như vậy thị trường công việc của LILAMA trong các lĩnh vực sở trường trong giai đoạn 2020-2025 đang có xu hướng giảm đáng kể, yêu cầu cấp thiết LILAMA phải xây dựng chiến lược tình thế thích hợp với điều kiện đã thay đổi, giảm chi phí, chú trọng duy trì thị trường và tìm kiếm cơ hội mở rộng sang một số lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng tiềm năng khác như các dự án cảng biển, cảng hàng không, đường sắt đô thị, tàu điện cao tốc, tàu điện ngầm..

Đối với ngành nghề chế tạo: Nguồn công việc chủ yếu của LILAMA và các đơn vị thành viên đến từ các dự án kết hợp cùng với các dự án EPC, xây lắp và một số dự án chế tạo thiết bị xuất khẩu có đòi hỏi cao về yêu cầu kỹ thuật. Tương tự như thị trường EPC, xây lắp, trong giai đoạn 2021-2025 LILAMA cũng sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn việc cho công tác chế tạo, đòi hỏi nhất thiết phải tìm kiếm một hướng đi mới.

- ***Rủi ro hoạt động:***

Do lĩnh vực hoạt động chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, đặc thù kinh doanh là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng chủ đầu tư lập dự toán còn chưa tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng Công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng Công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

- ***Rủi ro cạnh tranh:***

Tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thi công xây lắp trong ngành xây dựng ngày càng khốc liệt. Đặc biệt trong tương quan với tỷ lệ đầu tư công giảm thấp so với giai đoạn trước, các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh, đấu thầu để có được hợp đồng xây lắp. Do vậy doanh nghiệp xây lắp phải luôn tìm cách nâng cao năng lực công nghệ và kỹ thuật để tăng tính cạnh tranh giảm thiểu rủi ro có thể ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng, số lượng hợp đồng, cũng như doanh thu và lợi nhuận kỳ vọng.

- ***Rủi ro về biến động giá nguyên liệu, thiết bị đầu vào:***

Các dự án mà LILAMA thực hiện thường có tiến độ dài, giá trị vật tư, thiết bị chiếm tỷ trọng lớn

trong tổng giá trị hợp đồng. Do vậy, biến động giá cả hàng hóa (vật tư, thiết bị) đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của LILAMA.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá, ngoài việc duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác cung ứng truyền thống, LILAMA còn chủ động kiểm soát chi phí bằng cách tính đến yếu tố biến động giá, trượt giá ngay từ các khâu chuẩn bị hồ sơ dự thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng.

- ***Rủi ro về chi phí vốn vay:***

Tổng Công ty có tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn tương đối thấp, do đó chi phí lãi vay trở thành yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng Công ty. Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính. Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Do đó, những dự kiến trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư có thể chịu tác động xấu từ rủi ro chi phí vốn vay.

Rủi ro môi trường

Những rủi ro về môi trường do thiên nhiên gây ra là các nguyên nhân khách quan như thiên tai, lũ lụt, động đất, v.v là những nguyên nhân bất khả kháng. Do đó, Tổng Công ty phải có những chủ trương, cách thức phòng tránh và khắc phục về hậu quả do thiên tai, môi trường gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn bộ hệ thống.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT		
	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2022	Năm 2023	
		Giá trị	Tăng trưởng (%)		Giá trị	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	5.447.280	5.696.371	4,57%	6.207.213	6.370.126	2,62%
Vốn chủ sở hữu	906.792	950.870	4,86%	980.343	943.482	-3,76%
Doanh thu thuần	2.692.158	5.013.303	86,22%	2.892.079	5.079.030	75,62%
Giá vốn hàng bán	2.653.437	4.886.398	84,15%	2.801.850	4.959.391	77,00%
Lợi nhuận gộp	38.721	126.905	227,74%	90.229	119.638	32,59%
Doanh thu tài chính	128.381	172.638	34,47%	116.790	139.194	19,18%
Chi phí tài chính	124.865	144.499	15,72%	134.244	131.047	-2,38%
Lãi từ công ty LK	-	-	-	(54.182)	(22.404)	-58,65%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.720	100.631	1203,44%	40.381	119.779	196,62%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	34.516	54.413	57,64%	(21.788)	(14.399)	-33,91%
Lợi nhuận khác	(2.482)	4.203	-269,31%	(7.039)	2.297	-132,63%
Lợi nhuận trước thuế	32.034	58.616	82,98%	(28.826)	(12.102)	-58,02%
Lợi nhuận sau thuế	26.619	58.431	119,51%	(54.264)	(19.498)	-64,07%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023 của LILAMA

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1	Bùi Đức Kiên	19/12/1971	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
5	Trần Vũ Vương	28/12/1971	Thành viên HĐQT

Một số thông tin tóm tắt về thành viên Hội đồng quản trị

Ông Bùi Đức Kiên - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông Lê Văn Tuấn – Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Ông Nguyễn Văn Hùng – Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Ông Nguyễn Hữu Thành – Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Ông Trần Vũ Vương – Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

2.2 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	15/02/1981	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Lê Thị Thu Hồng	13/10/1976	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Trần Thương Huyền	20/07/1975	Thành viên Ban kiểm soát

Thông tin tóm tắt về thành viên Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Bà Lê Thị Thu Hồng – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Bà Trần Thương Huyền – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

2.3 Ban Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
4	Lê Quốc Ân	29/7/1970	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Mạnh Dũng	22/01/1970	Phó Tổng Giám đốc
6	Hoàng Minh Khôi	25/09/1973	Phó Tổng Giám đốc
7	Tô Phi Sơn	29/10/1984	Kế toán trưởng

Một số thông tin tóm tắt về thành viên Ban Tổng giám đốc:

Ông LÊ VĂN TUẤN – Tổng giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông NGUYỄN VĂN HÙNG - Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông NGUYỄN HỮU THÀNH – Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông LÊ QUỐC ÂN - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật nhiệt và máy lạnh

Ông NGUYỄN MẠNH DŨNG - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Ông NGUYỄN HỮU THÀNH – Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông HOÀNG MINH KHÔI - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư thiết bị điện

Ông TÔ PHI SƠN – Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1984
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

2.4 Những thay đổi trong ban điều hành:

Không có

2.5. Cán bộ công nhân viên Tổng Công ty:

Cơ cấu lao động của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31/03/2024

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	1.780	100,0%
1	Đại học và trên đại học	471	26,5%
2	Cao đẳng, trung cấp	29	1,6%
3	Công nhân kỹ thuật	419	23,5%
4	Lao động phổ thông	861	48,4%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	1.780	100,0%
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	10	0,6%
2	Lao động không xác định thời hạn	462	26,0%
3	Lao động hợp đồng có thời hạn	1.298	72,9%
4	Lao động khác	10	0,6%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị và đầu tư khác

Trên cơ sở thận trọng đầu tư và tiết giảm các chi phí không cần thiết, trong năm 2023, Tổng công ty không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Để phục vụ công tác chế tạo, thi công các dự án, trong năm 2023, Tổng công ty đã đầu tư 2,85 tỷ đồng thiết bị, máy móc thi công để đảm bảo khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án mà Tổng công ty đang thực hiện.

b) Đầu tư tài chính

➤ Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của LILAMA tại thời điểm 31/12/2023 là 569,7 tỷ đồng; giảm 47,4 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022 (nguyên nhân là do Công ty con - LILAMA SEA đã hoàn thành thủ tục giảm vốn điều lệ từ 3,8 triệu BND xuống 1,0 triệu BND trong năm 2023), trong đó: 05 Công ty con với giá trị đầu tư 49,5 tỷ đồng; 10 Công ty liên kết với giá trị đầu tư 271,2 tỷ đồng; 07 doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư 248,9 tỷ đồng.

Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng thông qua tại Văn bản số 5360/BXD-KHTC ngày 23/11/2023 và Đại hội cổ đông bất thường năm 2024

thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024. Theo đó, LILAMA sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ tại 02 công ty liên kết (Công ty CP LILAMA 10 và Công ty Cổ phần LILAMA 18) và thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty còn lại (19 công ty). Riêng đối với LILAMA SEA, trong thời gian tới, tùy thuộc vào tình hình việc làm tại Brunei và trong khu vực, Tổng Công ty sẽ xem xét lựa chọn việc để LILAMA SEA tiếp tục hoạt động theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

Đối với LHT, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm, thậm chí nếu có việc làm cũng không còn nhân lực để thực hiện (đặc biệt là công việc tư vấn thiết kế), việc tiếp tục duy trì hoạt động (dù đã thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh) càng làm tăng thêm các khoản lỗ. Vì vậy, để tránh các chi phí phát sinh làm ảnh hưởng đến vốn của Công ty, trên cơ sở đề xuất của Tổ đại diện vốn của LILAMA tại LHT, ngày 04/05/2023, Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 111/NQ-HĐQT về phương án hoạt động của Công ty cổ phần tư vấn quốc tế LHT, theo đó, thông qua phương án dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngày 29/01/2024, LILAMA đã có Tờ trình số 13/TTr- ĐDV trình Bộ Xây dựng về phương án giải thể Công ty cổ phần Tư vấn quốc tế LHT. Hiện tại, LILAMA đang chờ ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng.

Đối với LILAMA 45.4, tình hình tài chính của công ty hiện tại hết sức khó khăn, việc thoái vốn đầu tư của LILAMA tại LILAMA 45.4 gặp trở ngại rất lớn. Nguyên nhân là do công ty đang có lỗ lũy kế, thua lỗ nhiều năm dẫn đến không đủ sức hấp dẫn nhà đầu tư, đồng thời cũng không đủ điều kiện để bán đấu giá công khai. Trước tình hình tài chính khó khăn của Công ty cổ phần LILAMA 45.4, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Đồng Nai (BIDV Đồng Nai)- chủ nợ của LILAMA 45.4 đã bán khoản nợ của LILAMA 45.4 cho Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC)- đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính. Ngày 20/10/2017, LILAMA 45.4 và DATC đã ký biên bản thỏa thuận về mua nợ và xử lý nợ tái cơ cấu cho Công ty LILAMA 45.4. Theo biên bản thỏa thuận này, DATC đồng ý chuyển đổi nợ thành vốn góp cổ phần đồng thời xem xét miễn giảm trách nhiệm trả nợ (xóa nợ) cho LILAMA 45.4 trên cơ sở LILAMA 45.4 thu hồi công nợ, bán tài sản để thanh toán một phần nợ cho DATC. Trên cơ sở đề xuất của Người đại diện vốn của LILAMA tại CTCP LILAMA 45.4 và đề xuất của Tổng giám đốc tại tờ trình số 87/TCT-BDATCT ngày 05/02/2024, Tổ đại diện vốn LILAMA đã có tờ trình số 24/TTr-ĐDV ngày 19/02/2024 trình Bộ Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ của Công ty cổ phần LILAMA 45.4. Hiện nay, LILAMA đang chờ ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng.

➤ Tình hình thu cổ tức, chi trả cổ tức

- ✓ *Tình hình thu cổ tức:* Trong năm 2023, có 05 Công ty có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc chia cổ tức cho kết quả SXKD năm 2022 với tổng số tiền 65,59 tỷ đồng. Tổng số tiền các

Công ty đã chi trả cổ tức cho Tổng Công ty bằng tiền là 58,66 tỷ đồng.

- ✓ **Tình hình chi trả cổ tức của Tổng Công ty:** Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền cổ tức năm 2022 theo đúng quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức : 1% (01 cổ phiếu nhận 100 đồng);
- Hình thức chi trả : Bằng tiền mặt;
- Ngày đăng ký cuối cùng : 27/11/2023;
- Thời gian thanh toán : 27/12/2023.

c) Tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2023, mặc dù đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát và đẩy lùi, tuy nhiên, cuộc xung đột Nga - Ucraina, và chiến tranh Israel-Hamas đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam, khiến cho mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, Tổng Công ty đã tập trung nguồn nhân lực, thiết bị thi công, nguồn tài chính để thực hiện các Dự án đảm bảo bám sát tiến độ thực tế và kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn, đáp ứng được các yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổng thầu/Nhà thầu chính.

❖ Tình hình thi công các dự án trong năm 2023 như sau:

- **Dự án West Coast:** Đã hoàn thành công việc xuất khẩu 02 module trong tháng 08/2023. Hiện đang trong quá trình quyết toán hợp đồng với Tổng thầu.
- **Dự án NEOM:**
 - Hạng mục chế tạo SKID: đã triển khai chế tạo module thứ 56 thuộc Lot 12 và đang hoàn thiện và sơn các module còn lại.
 - Hạng mục chế tạo ống: đã triển khai chế tạo module thứ 58 thuộc Lot 13. Đáp ứng được tiến độ của Tổng thầu.
 - Hạng mục tổ hợp: Hiện tại xưởng chế tạo đã thực hiện tổ hợp cơ bản xong đến Lot 6 và tiến đến các Lot tiếp theo.
 - Hạng mục đóng kiện: Hạng mục đóng kiện cho Lot 4 đã hoàn thành và đang tiếp tục cho Lot 5.
- **Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2:** Đến thời điểm hiện tại, Ban dự án đang tập trung thực hiện công tác bảo hành lắp đặt các hạng mục, hoàn thiện hồ sơ quyết toán.
- **Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2:**
 - Lò hơi số 1: Đang hoàn thiện phần kết cấu thép lò hơi, lắp đặt hệ thống áp lực, lắp đặt các tuyến ống Small bore, đang tổ hợp và tiến hành đưa các Moduls Duct vào vị trí lắp đặt, đang lắp đặt

- máy nghiền và hệ thống quạt, đang tổ hợp và lắp đặt hệ thống Air Preheater;
- Lò hơi số 2: Đang hoàn thiện phần kết cấu thép lò hơi, lắp đặt hệ thống áp lực, Lắp đặt các hệ thống đường ống Critical, Linkpipe; đang tổ hợp và tiến hành đưa các Moduls Duct vào vị trí lắp đặt, đang lắp đặt máy nghiền, đang tổ hợp và lắp đặt hệ thống Air Preheater;
 - Hoàn thành công tác đưa Condenser tổ máy 1 vào vị trí lắp đặt ngày 25/7/2023; hoàn thành lắp đặt Casing hệ thống ESP tổ máy 1 trong tháng 9/2023.
 - Hoàn thành mốc nhận điện ngược tổ máy số 1 vào ngày 29/12/2023.
- **Dự án Hóa dầu Long Sơn:**
- Gói thầu G (Tổng thầu HEC): Toàn bộ các hạng mục công việc của gói thầu đã hoàn thành và bàn giao cho Tổng thầu vào cuối năm 2022. Hiện tại gói thầu đang trong giai đoạn bảo hành.
 - Gói thầu A1 (Tổng thầu TPSK): Toàn bộ các hạng mục nói trên của gói thầu đã hoàn thành vào giữa tháng 11/2023. Hiện tại, các công việc còn lại của gói thầu chỉ còn lại công tác rework bảo ôn theo yêu cầu của tổng thầu, công tác hoàn thiện đóng punch các hệ thống. Dự kiến các công việc này sẽ kết thúc trong quý I năm 2024.
 - Gói thầu B (Tổng thầu SECL): Toàn bộ các hạng mục công việc của gói thầu bao gồm cả công tác sửa chữa khu vực xảy ra sự cố cháy đã hoàn thành và bàn giao cho Tổng thầu vào cuối tháng 06/2023. Hiện tại gói thầu đang trong giai đoạn bảo hành.
- **Dự án Nhiệt điện Vân Phong 1:** Toàn bộ công tác thi công đã được hoàn thành và bàn giao cho Tổng thầu tiến hành chạy thử, hiện tổ máy 1 đã vận hành thương mại từ tháng 10/2023, tổ máy số 2 đã được đưa vào vận hành thương mại trong tháng 01/2024.
- **Dự án Nhà máy Điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:** Tính đến ngày 31/12/2023, tiến độ tổng thể của dự án đã bị chậm khoảng 46 ngày so với tiến độ cấp 2 được phê duyệt với những nguyên nhân chính chậm nhận được thiết kế kỹ thuật từ Bộ công thương.
- **Các mốc tiến độ chính đã đạt được trong năm 2023:**
 - ✓ Hoàn thành công tác Xử lý nền.
 - ✓ Hoàn thành công tác ép cọc đại trà khu vực Tua-bin, lò thu hồi nhiệt (23/03/2023).
 - ✓ Bắt đầu khoan cọc CDM hệ thống nước làm mát chính (14/3/2023).
 - ✓ Nhận được phê duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy (28/4/2023).
 - ✓ Nhận được phê duyệt thiết kế kỹ thuật từ Bộ công thương (29/6/2023).
 - ✓ Hoàn thành công tác móng cọc cho hạng mục lò thu hồi nhiệt (HRSG) NT3, Lắp đặt Casing HRSG (02/7/2023) và Module (8/8/2023).
 - ✓ Hoàn thành thi công móng Tua-bin, máy phát NT3, lắp đặt kết cấu thép nhà tuabin (19/7/2023).

- ✓ Hoàn thành công tác móng cọc cho hạng mục lò thu hồi nhiệt (HRSG) NT4, Lắp đặt Casing HRSG (06/9/2023)
 - ✓ Hoàn thành thi công lắp đặt kết cấu thép sân trạm 220 kV (29/9/2023).
 - ✓ Lắp đặt Máy biến áp chính NT3 (đặt lên bệ móng) (16/9/2023).
 - ✓ Lắp đặt Máy Phát NT3 (đặt lên bệ móng) ngày (13/10/2023).
 - ✓ Lắp đặt Tua-bin Khí NT3 (đặt lên bệ móng) ngày (16/10/2023).
 - ✓ Lắp đặt máy biến áp chính NT4 (27/11/2023)
 - ✓ Lắp đặt Máy Phát NT4 (đặt lên bệ móng) ngày (18/12/2023).
 - ✓ Lắp đặt Tua-bin Khí NT4 (đặt lên bệ móng) ngày (20/12/2023).
 - ✓ Hoàn thiện lắp đặt thiết bị sân trạm 220 kV.
 - ✓ Hoàn thành công tác móng cọc cho khu trạm bơm nước làm mát.
- **Các mốc dự kiến năm 2024:**
- ✓ Nhận điện ngược 220 kV cho NT3 và 500 kV cho NT4.
 - ✓ Hoàn thiện thử áp cho NT3 và NT4.
 - ✓ Hoàn thiện hệ thống dầu và khí, bắt đầu nhận dầu và khí.
 - ✓ Hoàn thiện lắp đặt Tuabin, máy phát NT3.
 - ✓ Hoàn thiện lắp đặt chạy thử trạm bơm nước làm mát, tiến hành nhận nước.
 - ✓ Hoàn thiện lắp đặt, chạy thử hệ thống xử lý nước, sản xuất nước Demin.
 - ✓ Đốt lửa lần đầu cho Tổ máy NT3
 - ✓ Đốt lửa lần đầu cho Tổ máy NT4.
 - ✓ Hòa đồng bộ, chạy tin cậy cho Tổ máy NT3.
- **Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1:**
- Đã hoàn thành công tác thi công và bàn giao cho Chủ đầu tư, hiện tại đang hoàn thiện các tồn tại của công tác bảo hành nhà máy.
 - Về công tác thanh quyết toán: Đã trình nộp dự toán và đang tiến hành đàm phán với chủ đầu tư về chi phí cho phần chế tạo, xây dựng và lắp đặt trong nước để tiến hành thanh quyết toán. Dự kiến kết thúc trong năm 2024.
- **Dự án Nhiệt điện Long Phú 1: Dự án đang bị tạm dừng.**
- **Các dự án khác:** Ngoài các dự án lớn nêu trên, LILAMA đã và đang triển khai thi công lắp đặt một số dự án khác như: Trạm biến áp 220KV Yên Thủy, Trạm biến áp 220KV Vũng Áng, Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang, Trạm cắt 220Kv Bờ Y và Đăk Ooc, các Trạm bơm Kim Xá Vĩnh Phúc, Ngũ Kiên, Nguyệt Đức, ... Các dự án này đã được LILAMA giao cho các nhà thầu và đơn

vị thành viên triển khai thực hiện đáp ứng theo tiến độ Hợp đồng. Công tác giải ngân thanh toán cũng đang tuân thủ theo đúng quy định tại Hợp đồng.

3.2. Tình hình tài chính Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị: triệu đồng

	Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
I	Các công ty con						
1	Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SDN BHD	82.720	44.579	17.102	58.674	10.309	8.854
2	CTCP LILAMA 5	306.972	(111.268)	51.498	47.547	(18.570)	(18.570)
3	CTCP LILAMA 7	117.696	(18.770)	50.000	26.249	(21.073)	(21.073)
4	CTCP Cơ khí Lắp máy LILAMA	170.446	7.529	32.651	37.828	(8.854)	(8.854)
5	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	8.414	7.228	9.600	1.052	(214)	(214)
II	Các công ty liên kết						
1	CTCP LILAMA 10	1.267.268	268.542	98.900	1.048.112	30.024	25.909
2	CTCP LILAMA 18	1.219.635	297.801	93.887	1.329.005	19.050	11.831
3	CTCP LILAMA 69-1	706.118	24.746	75.762	171.167	(48.855)	(48.855)
4	CTCP LILAMA 69-3	446.330	62.484	82.794	600.169	7.006	3.842
5	CTCP LILAMA 45.1	521.100	2.384	48.000	45.823	(8.561)	(8.561)
6	CTCP LILAMA 45.3	357.003	17.560	35.000	3.681	(13.165)	(13.165)
7	CTCP LILAMA 45.4	115.682	(145.665)	40.000	-	(7.097)	(7.097)
8	CTCP Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	122.383	31.129	15.000	35.538	230	137
9	CTCP Bất động sản LILAMA	110.136	108.176	104.713	-	255	145
10	CTCP Tư vấn thiết kế XD và CN LILAMA	2.165	2.078	4.400	-	(9)	(9)

4. Tình hình tài chính Công ty mẹ

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	5.447.279.652.080	5.696.371.139.099	4,57%
Nợ phải trả	4.540.488.110.919	4.745.500.921.879	4,52%
Vốn chủ sở hữu	906.791.541.161	950.870.217.220	4,86%
Doanh thu thuần	2.692.157.714.999	5.013.303.019.960	86,22%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	34.516.230.333	54.413.005.071	57,64%
Lợi nhuận khác	-2.482.360.181	4.202.979.643	-
Lợi nhuận trước thuế	32.033.870.152	58.615.984.714	82,98%
Lợi nhuận sau thuế	26.618.783.569	58.431.025.999	119,51%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	29,95%	Dự kiến 27,29%	-

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2023 của LILAMA

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,05	1,08
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,95	1,05
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	83,35	83,31
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	500,72	499,07

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,83	16,32
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,45	0,90
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,99	1,17
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,96	6,29
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,45	1,05
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	1,28	1,09

Nguồn: Tính toán căn cứ trên số liệu BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2022, 2023 của LILAMA

5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của LILAMA tại ngày 20/12/2023

STT	Đối tượng	Số cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần (%)
1	Cổ đông trong nước	331	79.718.104	797.181.040.000	99,99%
	Cổ đông nhà nước	1	78.032.404	780.324.040.000	97,88%
	Cá nhân	330	1.685.700	16.857.000.000	2,11%
2	Cổ đông nước ngoài	1	8.000	80.000.000	0,01%
	Tổ chức	0	0	0	0%
	Cá nhân	1	8.000	80.000.000	0,01%
3	Tổng cộng	332	79.726.104	797.261.040.000	100,0%

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty (79.726.104 cổ phần) hoàn toàn là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 79.706.304 cổ phần, chiếm 99,985% tổng số cổ phần đang lưu hành.

- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng (theo cam kết năm làm việc khi thực hiện cổ phần hóa đối với cán bộ CNV Tổng Công ty): 12.000 cổ phần, chiếm 0,015% tổng số cổ phần đang lưu hành.

Từ thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần năm 2016 cho đến nay, LILAMA chưa thực hiện tăng vốn, phát hành hay chào bán cổ phiếu nào ra công chúng để tăng vốn điều lệ. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty là cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh, nhu cầu về máy móc thiết bị phục vụ việc thực hiện các hợp đồng EPC, hợp đồng xây lắp của Tổng Công ty tương đối lớn với các yêu cầu về chủng loại, kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ, ... đa dạng, phức tạp, đặc biệt là máy móc thiết bị cung cấp cho các dự án nhiệt điện đốt than. Các thiết bị như Tuabin, lò hơi, máy phát, ... cung cấp cho các dự án EPC luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các loại nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công như: sắt thép các loại, que hàn, sơn, cáp điện, các loại khí công nghiệp, ... là thường xuyên và phổ biến đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của LILAMA.

Nhằm đảm bảo chất lượng các công trình của mình, cũng như đảm bảo việc xây lắp các công trình hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, Tổng Công ty không chỉ tìm kiếm các nguồn cung cấp đa dạng đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của dự án, mà còn đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Bằng cơ chế quản lý tốt việc nhập máy móc, nguyên nhiên vật liệu từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, LILAMA tin tưởng sẽ đóng góp phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện tại Tổng Công ty hoàn toàn tuân thủ các tiêu chuẩn và pháp luật về bảo vệ môi trường. LILAMA chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Với ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường, LILAMA luôn cam kết việc hoàn toàn tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

➤ Chế độ làm việc

- LILAMA có một môi trường làm việc nghiêm túc, cởi mở và hợp tác. Tăng cường khả năng nghề nghiệp và phát triển năng lực cống hiến cá nhân của nhân viên.

- Chế độ làm việc dựa trên cơ sở của Bộ luật lao động.
- Các công cụ dụng cụ làm việc (như máy tính, mạng internet, văn phòng phẩm, máy fax, điện thoại cố định, bàn ghế ...) được trang bị đầy đủ theo nhu cầu công việc cũng như được hỗ trợ về kỹ thuật hiện đại.
- Các bộ phận sản xuất kinh doanh được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (như quần áo, găng tay, mũ, thắt lưng bảo hiểm ...). Công nhân làm việc theo ca, có thể làm thêm giờ, nhưng không vượt quá số giờ quy định so với luật hiện hành.

➤ ***Chính sách tuyển dụng, thu hút lao động và đào tạo lao động***

- LILAMA hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp, là đơn vị hàng đầu về tổng thầu EPC, cơ khí chế tạo, cơ khí lắp máy, tư vấn thiết kế ... do vậy LILAMA luôn chú trọng tuyển dụng những kỹ sư có trình độ để đáp ứng nhu cầu cho công việc của Tổng Công ty từ các trường Đại học kỹ thuật như: Bách Khoa Hà Nội, Xây dựng, Công nghiệp Thái Nguyên, Bách Khoa Đà Nẵng và những trường đại học danh tiếng khác trong và ngoài nước.
- Công tác tuyển dụng của LILAMA được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông báo tuyển dụng trên báo chí, tại các trường đại học và qua website của Tổng Công ty.
- Lao động sau khi được tuyển dụng vào Tổng Công ty được tiếp tục đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng theo chương trình về các chuyên đề: Quản lý dự án, quản lý thi công lắp đặt, quản lý chất lượng, giám sát chế tạo, quản lý vật tư, an toàn lao động, tiếng Anh, v.v..

➤ ***Thời gian làm việc và chính sách lương***

LILAMA tuyệt đối tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc (bao gồm cả làm thêm giờ) cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế của Tổng Công ty.

➤ ***Chính sách an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và an sinh xã hội***

- Nâng cao nhận thức cho các nhân viên ở tất cả các cấp về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, quản lý môi trường và xã hội trong các hoạt động của Tổng Công ty.
- Xây dựng hệ thống và các quy trình tích hợp để ngăn ngừa ô nhiễm, chấn thương tại nơi làm việc, cải thiện sức khỏe, tăng cường tính bền vững về môi trường và xã hội, phù hợp với thông lệ quốc tế được nêu trong các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.
- Tiến hành đánh giá rủi ro và tác động đối với an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường và xã

hội. Có các biện pháp ngăn ngừa đối với các tác động tiêu cực, và nếu không thể ngăn ngừa thì giảm thiểu, giảm nhẹ, và/hoặc đền bù cho người lao động, cộng đồng và môi trường bị ảnh hưởng.

- Tuân thủ luật pháp quốc gia, các quy định và các yêu cầu khác liên quan đến lao động, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

a) Công tác lãnh đạo chỉ đạo

Đảng ủy, lãnh đạo Tổng Công ty luôn quan tâm, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo đúng đối tượng, công khai, công bằng, dân chủ, chính xác, kịp thời và phù hợp với quy định. Qua đó, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ nhân viên, đảng viên phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Hội đồng thi đua khen thưởng của LILAMA luôn hoạt động tích cực, tổ chức các hoạt động thi đua khen thưởng thường xuyên hoặc theo chuyên đề rộng khắp toàn Tổng Công ty, đặc biệt tại các công trường dự án trọng điểm của LILAMA. Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát trên cơ sở đăng ký thi đua, kết quả thi đua của từng đơn vị nhằm phát hiện và lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, dẫn đầu các phong trào thi đua để báo cáo Bộ Xây dựng biểu dương và nhân rộng điển hình tiên tiến

b) Kết quả các phong trào thi đua

Công tác thi đua năm 2023 của LILAMA đã nhận được sự quan tâm đầy đủ của Đảng ủy, Lãnh đạo Tổng Công ty và Ban dự án. Các hoạt động này có ảnh hưởng sâu rộng, là nguồn cổ vũ động viên tích cực đến tinh thần người lao động, tạo dựng và giữ gìn được môi trường công việc ổn định, là động lực thúc đẩy để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực phấn đấu, chuyên tâm cho công việc, giúp LILAMA đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

c) Công tác khen thưởng

Năm 2023, Tổng Công ty đã thẩm định hồ sơ, xét, đề nghị khen thưởng của năm 2022 đối với những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác. Số liệu như sau:

➤ Đối với tập thể:

- | | |
|--|------------|
| - Lao động tiên tiến: | 25 tập thể |
| - Giấy khen Tổng Công ty: | 12 tập thể |
| - Tập thể lao động xuất sắc: | 08 tập thể |
| - Bằng khen của Bộ trưởng Bộ xây dựng: | 02 tập thể |

➤ Đối với cá nhân:

- Lao động tiên tiến	468 cá nhân
- Giấy khen Tổng Công ty:	169 cá nhân
- Chiến sỹ thi đua cơ sở:	127 cá nhân
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:	42 cá nhân
- Chiến sỹ thi đua Ngành Xây dựng:	27 cá nhân
- Danh hiệu Niên hạn Ngành Lắp máy:	46 cá nhân
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng:	12 cá nhân

d) Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2024.

Hội đồng thi đua khen thưởng Cơ quan Tổng Công ty tiếp tục tiến hành rà soát, chuẩn bị hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua năm 2023 đối với tập thể, các nhân Tổng Công ty đạt được những thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam với mục tiêu nâng cao năng suất, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023	Thực hiện năm 2023	% TH/KH 2023
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Doanh thu	4.831,0	5.013,3	103,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	36,0	58,6	162,8%
4	Nộp ngân sách nhà nước	40,0	81,7	204,3%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	2%/năm	Dự kiến 3%/năm	150,0%
6	Đầu tư	100,0	2,85	2,85%
7	Quỹ lương NLD	196,0	276,42	141,0%

Trong năm 2023, mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung cũng như trong nước nói riêng còn nhiều bất ổn, chịu ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga - Ucraina và chiến tranh Israel-Hamas gây ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế thế giới, khu vực và Việt Nam, khiến cho hoạt động SXKD của Tổng Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, bằng sự cố gắng, nỗ lực cao độ, Tổng Công ty đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, cụ thể:

Doanh thu đạt 5.013,3/4.831,0 tỷ đồng, tương đương 103,8% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 58,4/36 tỷ, tương đương 162,3% so với kế hoạch; Nộp ngân sách nhà nước đạt 81,7/40 tỷ đồng, tương đương 204,3% so với kế hoạch..

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản - đầu tư xây dựng cơ bản

Trên cơ sở thận trọng đầu tư và tiết giảm các chi phí không cần thiết, trong năm 2023, Tổng công ty không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, để phục vụ công tác chế tạo, thi công các dự án, trong năm 2023, Tổng công ty đã đầu tư 2,85 tỷ thiết bị, máy móc thi công để đảm bảo khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án mà Tổng công ty đang thực hiện.

2.2. Tình hình thu hồi công nợ

Ban lãnh đạo Tổng Công ty luôn chỉ đạo sát sao việc đánh giá, phân loại các khoản nợ đọng và thu hồi công nợ để có nguồn vốn bổ sung vào hoạt động SXKD. Việc thu hồi công nợ của Tổng Công ty tuy có

nhiều chuyển biến tích cực song vẫn còn nhiều khó khăn (thu hồi được 101,9 tỷ đồng nợ khó đòi tại các dự án: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Xi măng Vicem Sông Thao, Xi măng Tân Thắng và Thủy điện Hòa Na; thu hồi 5,9 tỷ đồng gốc cho vay từ đơn vị thành viên). Nguyên nhân chủ yếu do các đơn vị đều đang gặp nhiều khó khăn về tài chính, đồng thời có một số khoản nợ đã bắt đầu phát sinh quá hạn, dẫn đến việc LILAMA phải trích lập dự phòng (Lilama Hà Nội - Công trình tòa nhà 52 Lĩnh Nam,...)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Về công tác tổ chức:

- Thành lập Ban dự án Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, kể từ ngày 18/3/2022.
- Thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP khu vực phía Nam, kể từ ngày 04/05/2022.
- Thành lập Đội thi công số 02 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (tên viết tắt: Đội thi công số 02), kể từ ngày 05/07/2022.
- Thành lập Ban dự án Điện Vũng Áng 2 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, kể từ ngày 05/07/2022.
- Thành lập Ban điều hành LILAMA các dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, kể từ ngày 21/12/2022.

b. Về công tác cán bộ, nhân sự:

- Điều động 133 lượt CBCNV cho các phòng ban, đơn vị và ban dự án của Tổng Công ty.
- Tổng số lao động của Tổng Công ty tính đến 31/12/2022 là 1.598 người, trong đó số tuyển mới 1.611 người, số chấm dứt HĐLĐ, HĐ đào tạo tập nghề 737 người, tạm hoãn hợp đồng lao động 62 người.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Công tác chỉ đạo điều hành

Ban lãnh đạo Tổng Công ty quyết tâm, tập trung mọi nỗ lực, thực hiện mọi giải pháp để chỉ đạo, điều hành Tổng Công ty đương đầu và vượt qua mọi khó khăn, thách thức phía trước, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024.

Bước vào năm 2024 tạm thời vượt qua thời kỳ khó khăn với một số công trình mới ký kết và vào giai đoạn thi công cao điểm. Kế hoạch doanh thu dự kiến năm 2024 của Công ty mẹ tương đương với giá trị doanh thu thực hiện năm 2023 (bằng 97,3%). Ban điều hành Tổng Công ty xây dựng kế hoạch năm 2024

sát với tình hình thực hiện các dự án và diễn biến của thị trường nhằm đảm bảo khả năng thực hiện và hoàn thành ở mức cao nhất

Các dự án tiềm năng sẽ thực hiện trong giai đoạn tới:

- Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen AP Felix: Gia công chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị cơ khí cho 36 module điện phân 20MW (Xuất khẩu sang Hao Kỳ) đang trong quá trình làm rõ hồ sơ chào giá với Thyssenkrupp, giá trị hợp đồng khoảng 28,7 triệu USD
- Các dự án trạm biến áp 500Kv do Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia làm chủ đầu tư (cung cấp vận chuyển và lắp đặt máy biến áp 500KV-900MVA): TBA Lai Châu: 384 tỷ đồng; TBA Tây Hà Nội: 96 tỷ đồng; Sân trạm Văn Điển: 140 tỷ đồng; TBA Pleiku 2: 362 tỷ đồng; TBA Bình Dương 1: 194 tỷ đồng; TBA Quảng Trị: 192 tỷ đồng.
- Dự án Nhà ga sân bay quốc tế Long Thành - Gói thầu gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép trị giá 135 tỷ đồng (thầu phụ cho Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội), đang trong quá trình làm rõ hồ sơ chào giá.
- Dự án nhà máy đốt rác Thái Nguyên tham gia tổ hợp với Samsung gói thầu trị giá 340 tỷ đồng

Với viễn cảnh thị trường nhiều khó khăn được dự báo như vậy, Tổng Công ty xây dựng kế hoạch năm 2024 một cách thận trọng, đảm bảo tính khả thi và hiện thực hóa cao nhất với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ KH2024 /TH2023
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Doanh thu thuần	5.013,3	4.880,0	97,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	58,6	60,0	102,4%
4	Nộp ngân sách nhà nước	81,7	40,0	48,9%
5	Tỷ lệ cổ tức	3%/năm	3%	100%
6	Đầu tư	2,85	51,0	1789%
7	Quỹ lương NLD	276,42	363,26	131,4%

4.2. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động

- Sau khi được Bộ Xây dựng và ĐHCĐ thông qua, Tổng Công ty sẽ triển khai thực hiện các nội dung tái cấu trúc theo Đề án Tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.
- Đối với công tác tổ chức, lao động: Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, tinh giảm nhân sự các phòng ban; tuyển dụng mới, đào tạo và đào

tạo lại lực lượng lao động có trình độ phù hợp với thực tế công việc. Đồng thời, thực hiện sắp xếp lại các đơn vị thành viên theo các ngành nghề kinh doanh chính phù hợp với Đề án tái cơ cấu.

4.3. Công tác thi trường

Trong năm 2024, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện các Dự án đã ký hợp đồng như: Dự nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, Dự án điện Vũng Áng 2, Dự án sản xuất modul Hydrogen xanh xuất khẩu NEOM, Dự án nhà máy sản xuất Hydrogen H2GS và các dự án khác...

Định hướng công tác thi trường: Tổng Công ty vẫn đang tập trung công tác tiếp thị, bám sát chủ đầu tư và các đối tác để được tham gia thi công các dự án/gói thầu chuẩn bị thực hiện trong tương lai như: Dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn, các dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh, các dự án trạm biến áp 500Kv, Trung tâm điện lực LNG Bạc Liêu, Dung Quất 1,2,3...

Liên quan đến định hướng ngành nghề, trong thời gian tới Tổng Công ty tiếp tục tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính là EPC, xây lắp và Cơ khí chế tạo.

(1) Ngành EPC, xây lắp:

- Ưu tiên khai thác các dự án công nghiệp điện (nhà máy, trạm điện, đường dây...) vì đây là thị trường tiềm năng, tăng trưởng vững do đã được Chính phủ quy hoạch ổn định.
- Tham gia nhiều hơn vào các dự án công nghiệp dầu khí (nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy khí, đường ống khí...), đặc biệt là các dự án đã nằm trong quy hoạch.
- Tiếp tục tham gia các dự án công nghiệp khác (xi măng, thép, vật liệu xây dựng...).

(2) Ngành Cơ khí chế tạo:

- Cơ khí xuất khẩu: Tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cơ khí; tăng cường hợp tác quốc tế, từng bước tham gia vào chuỗi liên kết toàn cầu qua việc cung cấp các bộ phận, chi tiết hoặc hàng hóa trung gian khác phục vụ công tác lắp ráp sản phẩm cuối cùng cho các tập đoàn, công ty trên thế giới.
- Cơ khí chế tạo trong nước:
 - ✓ Bám sát Cơ chế thí điểm thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị các nhà máy nhiệt điện, tăng dần tỷ lệ nội địa hóa thiết bị trong các dự án công nghiệp mà LILAMA thực hiện.
 - ✓ Hợp lý hóa cơ cấu sản phẩm cơ khí theo hướng củng cố vững chắc danh mục sản phẩm hiện tại, đồng thời mở rộng danh mục sản phẩm chế tạo trong lớp công nghệ thiết bị phụ trợ cao cấp hơn phục vụ cho các dự án EPC.
 - ✓ Thực hiện dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế cho các nhà máy công nghiệp.

4.4. Công tác quản lý tài chính

Trong năm 2024, một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Tổng Công ty là phải đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thu hồi các khoản công nợ, nợ đọng để giảm thiểu hệ số nợ vay và chi phí tài chính phải gánh chịu, góp phần cải thiện tình hình tài chính cũng như bổ sung thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.5. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động

- Tiếp tục thi công, hoàn thiện các công trình đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả các dự án đã ký kết hợp đồng.
- Quản lý chặt chẽ, hiệu quả nhằm giảm chi phí phát sinh, sử dụng tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu.

4.6. Công tác đầu tư

Trong năm 2024 Tổng Công ty không có dự kiến đầu tư xây dựng cơ bản. Đối với việc đầu tư máy móc, thiết bị thi công, Tổng công ty dự kiến đầu tư một số phương tiện máy móc để phục vụ thi công các dự án mà Tổng công ty đang và sẽ triển khai, dự kiến giá trị đầu tư khoảng 51 tỷ đồng (máy cắt Laser, máy CNC phay và khoan lỗ, Cầu bánh lốp 100 tấn...). Việc đầu tư sẽ được thực hiện trên cơ sở cân nhắc mức độ cần thiết và hiệu quả sử dụng để tránh tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí.

4.7. Công tác phát triển nguồn nhân lực

Để đạt được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, vấn đề con người luôn được lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2024, tiếp tục lập quy hoạch cán bộ, tìm người có trình độ phù hợp với từng vị trí công tác để từ đó đào tạo, bồi dưỡng thêm.

Số lượng lao động hiện nay tạm thời đáp ứng được nhu cầu triển khai thực hiện các dự án. Tuy nhiên, cần tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao hơn trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4.8. Xây dựng thương hiệu Tổng Công ty

- Tập trung chỉ đạo thi công các công trình hoàn thành với chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn và mỹ thuật cao, qua đó tiếp tục phát triển thương hiệu của LILAMA.
- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của LILAMA.
- Quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu LILAMA.

4.9. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, thân thiện thể hiện qua các giá trị như: môi trường làm việc, các tiêu chuẩn trong công việc, thái độ giao tiếp...
- Xây dựng phong cách lao động có kỷ luật: Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp ở trên từng phương tiện thiết bị, từng công trường, nhà máy... và trước hết ở cơ quan điều hành.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh: Luôn tôn trọng và sẵn sàng hợp tác với khách hàng, bạn hàng, Tự tin, trung thực trong công việc và là đối tác tin cậy của đối tác, khách hàng.
- Xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa: Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng, nhất là những đối tượng thường xuyên tiếp khách, giao tiếp với các đối tác trong và ngoài nước.

4.10. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng

Tiếp tục phát huy và triển khai các phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng như truyền thống từ trước đến nay của LILAMA.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty

Tổng Công ty luôn tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam, không chỉ phục vụ trong lĩnh vực ngành nghề chính để khẳng định thương hiệu của mình, mà còn nhằm mục đích giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động. Ngoài quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... Tổng Công ty còn kêu gọi việc nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Lilama gắn với bảo vệ môi trường sống cho con người.

Tổng Công ty xây dựng Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2024 như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Đảm bảo và nâng cao chất lượng các công trình xây dựng” trong phạm vi toàn LILAMA với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác.
- Hướng nội dung các phong trào thi đua yêu nước vào giải quyết các vấn đề cấp bách, khó khăn, vướng mắc, những mặt còn tồn tại của LILAMA như tinh giản bộ máy, tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp toàn Tổng Công ty, tái cơ cấu doanh nghiệp, tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường và đấu thầu để có thêm nhiều dự án mới...
- Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tạo không khí phấn khởi, đoàn kết, động viên cán bộ công nhân viên lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước. Đặc biệt

quan tâm triển khai tại những công trình dự án xa trung tâm, những người lao động trực tiếp có điều kiện sống và làm việc gặp nhiều khó khăn.

- Tiếp tục tổ chức các phong trào thi đua liên kết, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động. Đôn đốc thực hiện các chỉ thị hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của Bộ, ban ngành và Chính phủ.

Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống của CBCNV Tổng Công ty: Tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể thao, có nhiều hình thức động viên đối với con em CBCNV vào các dịp Tết trung thu, tết thiếu nhi, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt...

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

❖ *Đánh giá về Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:*

Trong năm 2023, dù vẫn phải tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành Tổng Công ty bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý điều hành một cách linh hoạt, thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ được giao thích ứng với bối cảnh kinh tế xã hội, đưa LILAMA vượt qua khó khăn để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, các chế độ chính sách cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 (chỉ tiêu chính) của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP so với các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023	Thực hiện năm 2023	% TH/KH 2023
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Doanh thu thuần	4.831,0	5.013,3	103,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	36,0	58,6	162,8%
4	Nộp ngân sách nhà nước	40,0	81,7	204,3%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	2%/năm	Dự kiến 3%/năm	150,0%
6	Đầu tư	100,0	2,85	2,85%
7	Quỹ lương NLD	196,0	276,42	141,0%

❖ *Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Đầu tư của Tổng Công ty*

➤ *Đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị và đầu tư khác*

Trong năm 2023, Tổng công ty không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình và nhu cầu thực tế để phục vụ công tác chế tạo, thi công các dự án, trong năm 2023, Tổng công ty đã đầu tư thiết bị, máy móc thi công với giá trị 2,85 tỷ đồng để đảm bảo khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án mà Tổng công ty đang thực hiện.

➤ Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của LILAMA tại thời điểm 31/12/2023 là 569,7 tỷ đồng; giảm 47,4 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022 (nguyên nhân là do Công ty con - LILAMA SEA đã hoàn thành thủ tục giảm vốn điều lệ từ 3,8 triệu BND xuống 1,0 triệu BND trong năm 2023), trong đó: 05 Công ty con với giá trị đầu tư 49,5 tỷ đồng; 10 Công ty liên kết với giá trị đầu tư 271,2 tỷ đồng; 07 doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư 248,9 tỷ đồng.

Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng thông qua tại Văn bản số 5360/BXD-KHTC ngày 23/11/2023 và Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024. Theo đó, LILAMA sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ tại 02 công ty liên kết (Công ty CP LILAMA 10 và Công ty Cổ phần LILAMA 18) và thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty còn lại (19 công ty). Riêng đối với LILAMA SEA, trong thời gian tới, tùy thuộc vào tình hình việc làm tại Brunei và trong khu vực, Tổng Công ty sẽ xem xét lựa chọn việc để LILAMA SEA tiếp tục hoạt động theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

Đối với LHT, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm, thậm chí nếu có việc làm cũng không còn nhân lực để thực hiện (đặc biệt là công việc tư vấn thiết kế), việc tiếp tục duy trì hoạt động (dù đã thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh) càng làm tăng thêm các khoản lỗ. Vì vậy, để tránh các chi phí phát sinh làm ảnh hưởng đến vốn của Công ty, trên cơ sở đề xuất của Tổ đại diện vốn của LILAMA tại LHT, ngày 04/05/2023, Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 111/NQ-HĐQT về phương án hoạt động của Công ty cổ phần tư vấn quốc tế LHT, theo đó, thông qua phương án dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngày 29/01/2024, LILAMA đã có Tờ trình số 13/TTr- ĐDV trình Bộ Xây dựng về phương án giải thể Công ty cổ phần Tư vấn quốc tế LHT. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã chính thức dừng hoạt động, đồng thời, Tổ đại diện vốn của LILAMA tại LHT đang tiến hành các thủ tục cần thiết để giải thể Công ty.

Đối với LILAMA 45.4, tình hình tài chính của công ty hiện tại hết sức khó khăn, việc thoái vốn đầu tư của LILAMA tại LILAMA 45.4 gặp trở ngại rất lớn. Nguyên nhân là do công ty đang có lỗ lũy kế, thua lỗ nhiều năm dẫn đến không đủ sức hấp dẫn nhà đầu tư, đồng thời cũng không đủ điều kiện để bán đấu giá công khai. Trước tình hình tài chính khó khăn của Công ty cổ phần LILAMA 45.4, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Đồng Nai (BIDV Đồng Nai)- chủ nợ của LILAMA 45.4 đã bán khoản nợ của LILAMA 45.4 cho Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC)- đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính. Ngày 20/10/2017, LILAMA 45.4 và DATC đã ký biên bản thỏa thuận về mua nợ và xử lý nợ tái cơ cấu cho Công ty LILAMA 45.4. Theo biên bản thỏa thuận này, DATC đồng ý chuyển đổi nợ thành

vốn góp cổ phần đồng thời xem xét miễn giảm trách nhiệm trả nợ (xóa nợ) cho LILAMA 45.4 trên cơ sở LILAMA 45.4 thu hồi công nợ, bán tài sản để thanh toán một phần nợ cho DATC. Trên cơ sở đề xuất của Người đại diện vốn của LILAMA tại CTCP LILAMA 45.4 và đề xuất của Tổng giám đốc tại tờ trình số 87/TCT-BDATCT ngày 05/02/2024, Tổ đại diện vốn LILAMA đã có tờ trình số 24/TTr-ĐDV ngày 19/02/2024 trình Bộ Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ của Công ty cổ phần LILAMA 45.4. Hiện nay, LILAMA đang chờ ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng.

❖ ***Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Quản lý tài chính của Tổng Công ty***

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính tại Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, rà soát, đối chiếu, phân loại các khoản nợ phải thu, phải trả, tập trung thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn và lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, thực hiện kiểm kê theo quy định làm cơ sở lập báo cáo tài chính và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Chỉ đạo việc lập kế hoạch tài chính và xây dựng phương án vay vốn, hạn mức tín dụng năm 2023 nhằm đảm bảo nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh và thi công các công trình của Tổng Công ty. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã thông qua giới hạn tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank Thành An, BIDV-Sở giao dịch 1 và BIDV Chi nhánh Thái Hà, Ngân hàng Tiên Phong Chi nhánh Thăng Long, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

Chỉ đạo tiếp tục thu nợ tại các Công ty thành viên có nợ đến hạn phải trả Tổng Công ty, tuy nhiên do phần lớn các đơn vị vay vốn đang ở trong tình trạng bất ổn về tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ và/hoặc kém hiệu quả nên trong năm 2024, công tác thu hồi nợ (gốc và lãi vay) của Tổng Công ty gặp nhiều khó khăn.

Chỉ đạo đẩy mạnh công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn tại các dự án thi công, nợ đọng từ những năm trước để tập trung nguồn tài chính phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tăng cường công tác quản lý tài chính, cắt giảm các chi phí không cần thiết, tiết giảm chi phí và thực hiện các biện pháp để sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn.

Để có cơ sở biểu quyết thông qua một số nội dung liên quan tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của LILAMA, Tổ đại diện vốn đã trình Bộ Xây dựng thông qua Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2022. Theo đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 của Công ty mẹ LILAMA theo phương án được Bộ Xây dựng và ĐHĐCĐ thông qua.

Chi đạo thực hiện công tác giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023 đối với Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty. Qua đó, chi đạo Người đại diện vốn tại các Công ty nghiêm túc thực hiện các khuyến nghị, chỉ đạo của Tổng Công ty liên quan đến công tác quản lý, giám sát tài chính tại doanh nghiệp.

Chi đạo thực hiện xử lý tài chính theo Kết luận số 1229/KL-TTCTP ngày 30/5/2023 của Thanh tra Chính phủ. Theo đó, Hội đồng quản trị đã thông qua việc điều chỉnh hồi tố sổ sách kế toán, hồ sơ quyết toán vốn tại thời điểm cổ phần hóa theo số liệu của Thanh tra Chính phủ, cụ thể:

- ✓ Điều chỉnh tăng giá trị thương hiệu LILAMA số tiền 2.364.932.567 đồng
- ✓ Điều chỉnh tăng giá trị Công cụ dụng cụ quản lý đã phân bổ hết giá trị nhưng tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa số tiền 41.563.588 đồng.
- ✓ Điều chỉnh tăng giá trị còn lại của một số tài sản cố định (giảm giá trị khấu hao lũy kế) với số tiền 1.215.429.826 đồng.
- ✓ Điều chỉnh tăng tài khoản Khoản phải trả về cổ phần hóa số tiền tương ứng là 3.621.925.981 đồng

Và đã chi đạo nộp về Ngân sách nhà nước số tiền tương ứng với khoản tăng phải trả về cổ phần hóa: 3.621.925.981 đồng (*Ba tỷ sáu trăm hai mươi một triệu, chín trăm hai mươi năm nghìn, chín trăm tám mươi một đồng*).

Với chức năng định hướng và giám sát thực hiện chiến lược phát triển của Tổng Công ty và các Công ty thành viên, đảm bảo hoạt động của LILAMA tuân thủ các quy chế, quy định quản lý nội bộ, Điều lệ LILAMA và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng Công ty và các Công ty thành viên (thông qua người đại diện phần vốn) tăng cường công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định để đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình tài chính và phát hiện các yếu kém trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cảnh báo và đề ra các biện pháp chấn chỉnh phù hợp

➤ Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn SXKD tại Công ty mẹ:

a. Cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản:	11,68 %
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản:	88,32 %

b. Cơ cấu nguồn vốn (%):

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn:	82,84 %
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn:	17,16 %

c. Khả năng thanh toán (lần):

- Khả năng thanh toán nhanh = (TSNH – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn:	1,05 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành = TSLĐ/Nợ ngắn hạn:	1,08 lần

d. Tỷ suất lợi nhuận (%):

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản:	1,05 %
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu:	1,17 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu:	6,29 %

Các chỉ số, kết quả trên đây cho thấy:

- Về cơ cấu tài sản: Tỷ lệ tài sản lưu động chiếm phần lớn tổng tài sản.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 82,84%. Do vốn điều lệ của Tổng Công ty nhỏ so với quy mô hoạt động và nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn vay, dẫn tới chi phí tài chính tương đối lớn.
- Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán của Tổng Công ty lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán nợ của Tổng Công ty hiện đang ở mức chấp nhận được so với đặc thù kinh doanh của ngành.
- Tỷ suất lợi nhuận: Với đặc thù ngành nghề, tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản và Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu của Tổng Công ty tương đối thấp. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 6,29%, cho thấy Tổng Công ty hoạt động có lãi nhưng hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

❖ **Đánh giá về Hoạt động quản trị doanh nghiệp**

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao, trong năm 2023 Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã tổ chức họp, hội ý, lấy ý kiến đã họp 57 phiên, ban hành 105 nghị quyết, 30 quyết định và một số văn bản khác liên quan đến công tác định hướng quản lý, chỉ đạo toàn diện trên các mặt hoạt động của Tổng Công ty.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Tổng Công ty rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Theo đó, để đáp ứng mô hình hoạt động của các đội thi công và chi nhánh mới được thành lập, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng, ban hành Quy chế giao khoán và quản lý chi phí giao khoán đối với chi nhánh, đơn vị thi công thuộc Tổng Công ty.

Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2023 của Tổng Công ty.

Chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra tình hình quản trị, tình hình tài chính và SXKD tại một số đơn vị thành viên theo kế hoạch đã được phê duyệt. Ngoài ra, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo theo dõi công tác

hoạt động của Người được cử tham gia Ban kiểm soát tại Công ty có phần vốn góp của Tổng Công ty (Kiểm soát viên), qua đó tổng hợp các vấn đề cần lưu ý trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Công ty có phần vốn góp của Tổng Công ty.

Xem xét các báo cáo xin ý kiến của người đại diện phần vốn Tổng Công ty tại các Công ty có phần vốn góp của LILAMA để thông qua các nghị quyết chỉ đạo người đại diện vốn thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông LILAMA tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các cuộc họp Hội đồng quản trị các Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của các đơn vị và Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty.

Chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể các đơn vị thành viên trên các mặt hoạt động như tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp, việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội, tiền lương đối với người lao động, kinh phí công đoàn và việc triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu... Qua đó, đưa ra các đề xuất, giải pháp, khuyến nghị, ý kiến chỉ đạo (thông qua Người đại diện vốn) để các Công ty phát huy những mặt tích cực đạt được cũng như khắc phục những khó khăn, yếu kém còn tồn tại.

Chỉ đạo tăng cường công tác quản trị rủi ro nhằm nhận diện, đánh giá, xếp hạng rủi ro và xác định rủi ro trọng yếu của Doanh nghiệp trong hoạt động SXKD, từ đó có biện pháp phòng ngừa và đưa ra kế hoạch hành động kịp thời, phù hợp.

Chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Chỉ đạo cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện tối đa để Ban kiểm soát Tổng Công ty hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ.

Thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị; qua đó Hội đồng quản trị đã hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban điều hành chủ động và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 đã được phê duyệt.

❖ ***Đánh giá về Công tác cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp***

➤ ***Công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty và bàn giao vốn nhà nước sang công ty cổ phần:***

Hiện nay, công tác quyết toán để bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần cơ bản đã được Tổng Công ty thực hiện đầy đủ, ngoại trừ vướng mắc lớn nhất còn tồn tại liên quan đến ý kiến chính thức của UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất

sau cổ phần hóa của LILAMA tại (i) 03 tầng văn phòng (3.477,01m²) và 50% diện tích tầng hầm (895,4m²) của tòa nhà hỗn hợp 21 tầng tại 124 Minh Khai, HBT, Hà Nội, (ii) Lô đất tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh và (iii) Khu đất tại Lô E9-E6 đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Về vấn đề này, Tổng Công ty đã nhiều lần có Công văn gửi các cơ quan chức năng liên quan đề nghị giải quyết, tuy nhiên đến nay UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa giải quyết dứt điểm và chưa có văn bản trả lời Tổng Công ty.

- ✓ Đối với khu đất của Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng tại Phường Phước Long B, Quận 9, TP HCM và Trụ sở Văn phòng LILAMA tại đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội: Tổng Công ty đã đề xuất phương án hoàn trả lại cho UBND TP HN và UBND TP HCM và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua. Đến nay, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục liên quan theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các cơ quan chức năng để hoàn trả lại 02 dự án nói trên.
- ✓ Đối với khu đất tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Xây dựng yêu cầu LILAMA thực hiện việc đề xuất lại phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất của khu đất nêu trên từ hình thức sắp xếp đã được phê duyệt là “chuyển mục đích sử dụng đất” thành hình thức “thu hồi” trình Bộ Xây dựng xem xét, thực hiện theo quy định.

Ngày 26/07/2023, LILAMA đã có văn bản số 477/TCT-KTKT gửi Bộ Xây dựng về việc thay đổi phương án, sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà đất của LILAMA tại phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Bộ Xây dựng đã có văn bản số 3691/BXD-KHTC ngày 16/8/2023, gửi Bộ Tài chính về việc đề nghị thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà đất nói trên. Ngày 18/09/2023 Bộ Tài chính có văn bản số 9907/BTC-QLCS gửi Bộ Xây dựng về việc phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà đất của LILAMA thuộc Bộ Xây dựng quản lý; tiếp theo đó ngày 13/11/2023, Bộ Xây dựng có văn bản số 5205/BXD-KHTC gửi LILAMA yêu cầu nghiên cứu, rà soát, làm rõ ý kiến của Bộ Tài chính nêu tại văn bản số 9907/BTC-QLCS ngày 18/9/2023 và liên hệ với UBND thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan để được hướng dẫn thủ tục dừng, chấm dứt hoạt động của Dự án đầu tư Khu nhà Hỗn hợp cao tầng LILAMA tại cơ sở nhà, đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- ✓ Đối với việc dừng thực hiện dự án và hoàn trả lại Lô đất 09-E6 Khu đô thị Cầu Giấy, Hà Nội: Ngày 20/10/2023 Hội đồng quản trị LILAMA đã có quyết định số 253/QĐ-HĐQT về việc chấm dứt đầu tư dự án xây dựng Trụ sở văn phòng Tổng Công ty LILAMA tại Lô đất 09-E6 Khu đô thị Cầu Giấy, Hà Nội. Ngày 21/11/2023, LILAMA đã có văn bản số 680/TCT-KTKT gửi UBND thành phố Hà Nội về việc chấm dứt đầu tư dự án xây dựng Trụ sở văn phòng Tổng Công ty

LILAMA tại lô đất nói trên, ngày 30/11/2023 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã có Thông báo số 2169/TB-KH&ĐT thông báo về việc chấm dứt đầu tư dự án xây dựng Trụ sở văn phòng Tổng Công ty LILAMA tại Lô đất 09-E6 Khu đô thị Cầu Giấy, Hà Nội.

- Tình hình triển khai cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (TTCP) và văn bản 5360/BXD-KHHC ngày 23/11/2023 về việc thông qua “ Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025”

Ngày 23/11/2023 Bộ Xây dựng có Văn bản số 5360/BXD-KHHC thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025 (Đề án cơ cấu lại LILAMA). Ngay sau khi có quyết định thông qua Đề án cơ cấu lại LILAMA của Bộ Xây dựng, ngày 18/01/2024, Tổng Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 để thông qua Đề án theo đúng thẩm quyền.

- Tình hình thực hiện Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 382/QĐ-BXD ngày 11/4/2023 của Bộ Xây dựng:

Ngày 29/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước giai đoạn 2022-2025, tiếp đó, ngày 11/4/2023 Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 382/QĐ-BXD về Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2022-2025. Theo đó, LILAMA thuộc danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái vốn Nhà nước về 51% vốn điều lệ; thời gian hoàn thành vào giai đoạn 2024-2025. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Xây dựng, LILAMA đang xem xét và sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện các trình tự, thủ tục thoái vốn nhà nước về 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2024-2025 (dự kiến thời điểm lựa chọn thẩm định giá trị doanh nghiệp để thoái vốn nhà nước tại LILAMA là thời điểm ngày 30/06/2024 hoặc 31/12/2024).

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Với quyền hạn và nhiệm vụ được giao, Hội đồng quản trị luôn phát huy tinh thần đoàn kết, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, trung thực, cần trọng, thực hiện tốt vai trò quản trị và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của LILAMA.

Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành LILAMA luôn kiên định bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua để triển khai thực hiện, nỗ lực, phấn đấu đạt được ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, góp phần duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhận thấy một số hạn chế, trở ngại dẫn đến kết quả thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao chưa được như kỳ vọng, cụ thể:

Năm 2023 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với ngành xây lắp khi Chính phủ vẫn đang cắt giảm đầu tư công, các dự án bị đình hoãn, giãn tiến độ. Bên cạnh các dự án đã được ký hợp đồng trong năm 2022, LILAMA gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà thầu trong và ngoài nước, dẫn đến việc tìm kiếm các dự án mới trong tương lai gặp nhiều khó khăn, trong khi phần lớn các dự án LILAMA đang thi công đều đi vào giai đoạn cuối. Thêm vào đó, dòng tiền thực tế thu được từ các dự án cũ chậm, còn nhiều nợ đọng, nợ khó đòi hoặc thâm hụt dòng tiền và còn nhiều vướng mắc như Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Dự án Nhiệt điện Long Phú 1, Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 1... Điều này có thể gây khó khăn cho LILAMA trong tương lai khi các dự án mới như Nhơn Trạch 3&4, Vũng Áng 2, NEOM đi vào giai đoạn cao điểm cần phải thanh toán cho nhà thầu phụ.

Trong thời gian qua, mặc dù lãnh đạo LILAMA đã rất tích cực làm việc với Chính phủ, các Bộ ban ngành cũng như Chủ đầu tư để quyết toán Dự án Vũng Áng 1 nhằm thu hồi công nợ. Tuy nhiên, việc quyết toán Dự án vẫn còn gặp nhiều vướng mắc, chưa được xử lý dứt điểm. Trong khi đó, các nhà thầu nước ngoài đang đòi nợ LILAMA rất sát sao, quyết liệt với số tiền lớn, cùng với đó, Dự án đã kết thúc từ lâu, không thể vay vốn từ các tổ chức tín dụng khiến LILAMA phải đối mặt với áp lực về nguồn vốn để trả nợ cho các nhà thầu phụ của Dự án. Việc không có đủ dòng tiền để thanh toán cho các nhà thầu phụ như hiện tại khiến các tổ chức tín dụng đánh giá rủi ro thanh khoản của LILAMA, ảnh hưởng đến xếp hạng tín dụng của LILAMA trong việc cấp hạn mức tín dụng phục vụ cho các dự án khác, cũng như gây mất uy tín của LILAMA đối với các nhà thầu phụ (đặc biệt là nhà thầu phụ nước ngoài).

Thông qua Người đại diện phần vốn của LILAMA tại các Công ty con, công ty liên kết, Hội đồng quản trị LILAMA đã thường xuyên có những chỉ đạo sát sao, đồng thời đưa ra các định hướng, khuyến nghị để góp phần xử lý, khắc phục những tồn tại trong công tác quản trị, quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tuy nhiên, tình hình chung của nhiều Công ty vẫn không được cải thiện, thậm chí còn đối mặt với nhiều khó khăn hơn: Mất cân đối tài chính, hoạt động SXKD thua lỗ, kém hiệu quả, nợ quá hạn dẫn đến bị ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản và tận thu nguồn tiền về của dự án, không cấp thêm hạn mức để vay vốn thi công dự án mới; nợ lương; nợ bảo hiểm; nợ thuế dẫn đến bị phạt chậm và/hoặc cưỡng chế hóa đơn... Với tình hình tài chính và hoạt động SXKD của các đơn vị thành viên như vậy dẫn đến việc không chỉ tạo gánh nặng trích lập dự phòng đầu tư tài chính của Công ty mẹ, ảnh hưởng đến kết quả Báo cáo tài chính hợp nhất mà còn ảnh hưởng đến năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh của toàn LILAMA, tạo gánh nặng về phân bổ công việc và gánh nặng tài chính cho Công ty mẹ (hỗ trợ các công ty trong việc trả nợ, thanh toán cho nhà cung cấp, người lao động...).

Việc quyết toán bàn giao vốn sang công ty cổ phần đến nay vẫn chưa hoàn tất do các vướng mắc liên quan đến việc xác định giá trị quyền sử dụng đất sau cổ phần hóa của LILAMA. Tổ đại diện vốn nhà nước tại LILAMA đã luôn bám sát và tuân thủ thực hiện đầy đủ các ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan nhưng đến nay vấn đề vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

❖ ***Đánh giá về Công tác tổ chức, nhân sự, tiền lương***

Trong năm 2023, về cơ bản công tác tổ chức, nhân sự, tiền lương đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

- ***Công tác nhân sự:*** Căn cứ yêu cầu công tác, tiêu chuẩn, phẩm chất, đạo đức, năng lực cán bộ và kết quả quá trình công tác trong thời gian giữ chức vụ, Hội đồng quản trị đã thông qua việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý Tổng Công ty và lãnh đạo, quản lý các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.
- Tổng số lao động của Tổng Công ty tính đến 31/12/2023 là 1.598 người, trong đó số tuyển mới là 1.611 người, số chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng đào tạo tập nghề là 737 người, tạm hoãn hợp đồng lao động 62 người. Trong năm 2023, Tổng Công ty đã điều động 133 lượt CBCNV cho các phòng ban, đơn vị và Ban dự án của Tổng Công ty.
- Về công tác quản lý Người đại diện vốn: Trong năm 2023, Tổng Công ty đã thông qua phương án cử lại Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại một số công ty con, công ty liên kết; cho ý kiến chỉ đạo để người đại diện phần vốn Tổng Công ty tại một số công ty con, công ty liên kết biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
- Về chế độ chính sách: Tổng Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động. Đến hết tháng 12/2023, số CBCNV tham gia bảo hiểm là 1.467 người, số lao động ký HĐ Đào tạo tập nghề, thử việc nên chưa phải tham gia bảo hiểm bắt buộc là 131 người. Tổng Công ty sẽ thực hiện các chế độ bảo hiểm cho người lao động sau khi hết thời hạn đào tạo tập nghề và ký HĐLĐ với Tổng Công ty theo quy định; Thực hiện các thủ tục hưởng chế độ ốm đau, thai sản cho 60 CBCNV; Đối chiếu với các đơn vị thành viên, chuyển bảo hiểm cho 14 người lao động có thỏa thuận sử dụng lao động với Tổng Công ty.
- ***Công tác tiền lương:*** Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền lương cho người quản lý công ty theo đúng quy định. Đối với người lao động, việc chi trả tiền lương được thực hiện đầy đủ và kịp thời.
- Trong năm 2023, mặc dù đối mặt với rất nhiều thách thức, khó khăn, Công ty mẹ Tổng Công ty vẫn thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, lợi ích, chế độ chính sách cho người lao động (tiền

lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp...). Tuy nhiên, tại một số đơn vị thành viên, do tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn nên việc chi trả tiền lương chưa được kịp thời, việc thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động chưa được đầy đủ và theo đúng quy định.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục cố gắng nâng cao trách nhiệm, đặt lợi ích của Tổng Công ty trên lợi ích cá nhân, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhất, phối hợp chặt chẽ, linh hoạt với Ban điều hành Tổng Công ty để cùng đưa LILAMA vượt qua giai đoạn khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, hướng tới phát triển ổn định và bền vững. Các nhiệm vụ, nhóm giải pháp cần được triển khai thực hiện như sau

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, nâng cao năng lực cạnh tranh, bám sát chủ đầu tư, các tổng thầu, chào giá hợp lý để có thể ký kết hợp đồng, đảm bảo công việc cho năm 2024 và các năm tiếp theo.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, tập trung thi công, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, năng suất lao động tại các công trường đang thi công để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024; đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn để có dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác quyết toán, thu hồi công nợ tại các công trình đã thi công hoàn thành.
- Trên cơ sở tiếp thu các nội dung tại Kết luận số 1229/KL-TTCT ngày 30/05/2023 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện sắp xếp lại, cổ phần hóa, thoái vốn các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Xây dựng và thực hiện các kết luận tại Biên bản kiểm điểm ngày 17/10/2023 của Tổng Công ty, tiếp tục tập trung quyết liệt để hoàn thành việc sắp xếp lại, cổ phần hóa cũng như thoái vốn nhà theo chủ trương của Chính phủ, chỉ đạo của Bộ Xây dựng và Đề án cơ cấu lại LILAMA; nghiên cứu cập nhật kịp thời các chính sách, quy định của nhà nước để tránh xảy ra sai sót, khuyết điểm tương tự, đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật.
- Với việc thành lập và đi vào hoạt động của Chi Nhánh và các Đội thi công, lực lượng lao động của Tổng Công ty trong năm 2024 dự kiến tiếp tục tăng và có nhiều biến động. Do vậy, chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhân sự, chú trọng vấn đề kỷ luật và an toàn lao động, hợp lý hóa lao động phù hợp đặc thù thi công của từng công trình, dự án và tuân thủ các quy định hiện hành; Thực hiện theo dõi, kiểm soát việc huy động người lao động và việc chi trả tiền lương để đảm bảo việc huy động được hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực cũng như để đảm bảo đủ quỹ lương chi trả cho người lao động.

- Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng ban, rà soát, phân công, cơ cấu lao động hợp lý, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo tại các phòng ban Tổng Công ty và Người đại diện vốn tại các công ty thành viên để từng bước cải thiện và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành hoạt động SXKD, tái cơ cấu nguồn nhân lực trên cơ sở tinh gọn, nâng cao năng suất lao động để tiết giảm chi phí cho Tổng Công ty.
- Tăng cường công tác quản trị, đặc biệt là quản trị chi phí trong bối cảnh Tổng Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như hiện nay. Theo đó, bằng mọi giải pháp, chỉ đạo tiết giảm tối đa chi phí, thực hành tiết kiệm, quản lý thi công và nhân công tại công trường chặt chẽ, nâng cao năng suất lao động, cân đối cân trọng quỹ tiền lương chi trả phù hợp với thực trạng tình hình SXKD của Tổng Công ty...
- Tăng cường công tác giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ, giám sát tình hình hoạt động SXKD tại các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn của Tổng Công ty, tăng cường công tác kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro.
- Chỉ đạo người đại diện phần vốn Tổng Công ty tại các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các giải pháp đồng bộ để hạn chế những mặt còn tồn tại, yếu kém; cũng như chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch SXKD phù hợp, đảm bảo việc làm và các quyền lợi, chế độ cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, BHXH theo đúng quy định.
- Hiện nay, hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng Công ty đã hoàn thiện, phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy vậy, để đáp ứng mô hình hoạt động của các đội thi công và chi nhánh mới được thành lập, Hội đồng quản trị chỉ đạo tiếp tục rà soát và xây dựng một số quy chế, quy định liên quan đến chi nhánh phụ thuộc và các đội thi công trực tiếp như Quy chế quản lý vật tư, công cụ, dụng cụ, bảo hộ lao động... Hệ thống quy chế, quy định này nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong công tác quản lý điều hành của Tổng Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo toàn diện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023

(theo Phụ lục đính kèm)

Hà Nội, Ngày 19 tháng 04 năm 2024

TÔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP *trp*



TÔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-06
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	07-51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-51
Phụ lục số 01: Các khoản Vay ngắn hạn	52-53
Phụ lục số 02: Các khoản Vay dài hạn	54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Thành	Ủy viên
Ông Trần Vũ Vương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bùi Đức Kiên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Số: 290324.056/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của ngoại trừ chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Các vấn đề tại các Công ty con ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 tại các công ty con của Tổng Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, Công ty Cổ phần Lilama 5 và Công ty Cổ phần Lilama 7 ghi nhận một số khoản phải thu quá hạn thanh toán với tổng giá trị lần lượt là 50,86 tỷ VND và 61,52 tỷ VND. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng về đánh giá của Ban Tổng Giám đốc cũng như các tài liệu khác có liên quan về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công

Hàng tồn kho

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể đảm bảo được tính chính xác và tồn thất (nếu có) của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các công ty con của Tổng Công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, Công ty Cổ phần Lilama 5 và Công ty Cổ phần Lilama 7 với tổng số tiền tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 lần lượt là 303,68 tỷ VND và 301,45 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty.

Nợ phải trả

Tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023, Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Lilama 5 đang phân ánh chi phí phải trả lãi vay đã quá hạn thanh toán với cùng số tiền là 74,01 tỷ VND và khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn (BIDV) với số tiền 183,38 tỷ VND. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, Chúng tôi không có cơ sở xác định tính chính xác và đầy đủ của chi phí lãi vay ghi nhận trong năm nay và các năm trước cũng như tính chính xác, đầy đủ của khoản vay Ngân hàng BIDV của Công ty con này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính" tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 và chỉ tiêu "Chi phí tài chính" trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy đang ghi nhận chi phí lãi vay phải trả trong năm 2023 cho khoản vay ngắn hạn đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình, số tiền là 10,8 tỷ VND trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" mà không ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm. Điều này dẫn đến trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" đang được ghi nhận thiếu và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" đang được ghi nhận thừa với cùng số tiền là 10,8 tỷ VND. Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang được ghi nhận thừa với cùng số tiền tương ứng.

Một số vấn đề khác

Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của số dư các khoản mục phải thu và phải trả tại thời điểm 31/12/2023 tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7 với số tiền lần lượt là 18,47 tỷ VND và 34,26 tỷ VND cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7 đang trình bày trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với số tiền lần lượt là 11,12 tỷ VND và 8,72 tỷ VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thể đánh giá được sự phù hợp của số liệu nêu trên đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty.

THÀNH
LỢI

2. Các vấn đề tại các Công ty liên kết ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty đang kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như trình bày tại Thuyết minh số 2.10 - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu này chưa được xem xét ảnh hưởng của cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ, từ chối được nêu trong các Báo cáo kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023 của các Công ty: Công ty Cổ phần Lilama 45-1, Công ty Cổ phần Lilama 45-3, Công ty Cổ phần Lilama 69-1, Công ty Cổ phần Lilama 69-3, Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama và Công ty Cổ phần Lắp máy Thí nghiệm Cơ điện. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này trên Báo cáo tài chính của các đơn vị nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết" (Mã số 252 trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất) tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 và Chỉ tiêu "Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết" (Mã số 24 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc nội dung sau:

Tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất", đến thời điểm phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của Chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5305-2020-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.541.120.738.216	5.330.719.426.936
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.738.040.007.941	2.600.575.993.302
111	1. Tiền		1.305.555.114.606	1.248.791.099.967
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.432.484.893.335	1.351.784.893.335
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.800.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.800.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.294.617.821.458	1.937.130.886.138
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.761.997.163.380	1.464.920.812.300
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	923.825.283.365	845.722.914.970
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	363.315.331.444	369.258.814.323
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	484.578.968.255	450.834.156.291
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.239.098.924.986)	(1.193.605.811.746)
140	IV. Hàng tồn kho	10	433.103.916.070	737.384.814.937
141	1. Hàng tồn kho		433.103.916.070	737.384.814.937
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		69.558.992.747	55.627.732.559
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	1.277.605.832	1.352.266.949
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		30.957.956.907	14.382.097.237
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	37.323.430.008	39.893.368.373
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		829.005.515.653	876.493.354.362
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.742.000.000	8.826.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.742.000.000	8.826.300.000
220	II. Tài sản cố định		132.698.278.784	150.104.647.064
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	113.378.648.570	128.732.248.168
222	- Nguyên giá		732.781.376.703	732.825.090.289
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(619.402.728.133)	(604.092.842.121)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	2.945.208.652	5.118.541.849
225	- Nguyên giá		3.519.650.908	6.996.703.636
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(574.442.256)	(1.878.161.787)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	16.374.421.562	16.253.857.047
228	- Nguyên giá		18.500.095.231	18.370.095.231
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.125.673.669)	(2.116.238.184)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	15.425.491.074	17.730.647.226
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.702.472.446)	(39.397.316.294)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	31.928.574.252	40.813.662.754
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31.928.574.252	40.813.662.754
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	552.495.169.840	577.084.778.728
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		321.204.505.498	343.608.509.587
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.227.056.322	255.227.056.322
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(24.126.391.980)	(22.070.787.181)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		190.000.000	320.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		87.716.001.703	81.933.318.590
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	87.716.001.703	81.879.892.920
269	2. Lợi thế thương mại		-	53.425.670
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.370.126.253.869	6.207.212.781.298

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.426.644.547.229	5.226.869.675.135
310	I. Nợ ngắn hạn		5.315.338.481.331	5.152.115.022.337
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.898.128.007.832	2.086.359.035.446
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	454.449.513.663	866.164.504.072
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	6.530.156.557	23.223.836.855
314	4. Phải trả người lao động		87.011.847.965	42.215.523.529
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	849.067.944.738	639.303.971.820
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	823.019.460	851.718.733
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	272.318.622.216	264.617.226.793
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	1.623.101.711.935	1.120.781.960.877
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	63.248.864.218	48.082.674.744
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		60.658.792.747	60.514.569.468
330	II. Nợ dài hạn		111.306.065.898	74.754.652.798
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		-	1.588.264.113
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	14.353.408.391	14.992.019.851
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	1.151.886.839	885.246.839
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	1.808.563.786	2.607.003.009
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		13.672.068.870	7.916.141.798
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	21	80.320.138.012	46.765.977.188
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		943.481.706.640	980.343.106.163
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	943.756.199.080	980.617.598.603
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		797.261.040.000	797.261.040.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.126.365.735	1.126.365.735
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(32.374.321.082)	(32.374.321.082)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(10.853.800.027)	(10.769.674.741)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		91.774.510.243	83.788.875.172
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		18.290.851	18.290.851
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		154.403.243.635	174.565.947.786
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		150.179.150.982	199.813.259.693
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.224.092.653	(25.247.311.907)
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(57.599.130.275)	(32.998.925.118)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(274.492.440)	(274.492.440)
431	1. Nguồn kinh phí		(274.492.440)	(274.492.440)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.370.126.253.869	6.207.212.781.298





Lại Việt Tân

Người lập

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Tô Phi Sơn

Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	5.079.029.832.618	2.892.079.411.149
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.079.029.832.618	2.892.079.411.149
11	4. Giá vốn hàng bán	28	4.959.391.428.735	2.801.850.410.109
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		119.638.403.883	90.229.001.040
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	139.193.538.170	116.789.688.415
22	7. Chi phí tài chính	30	131.047.205.943	134.243.523.350
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		94.099.996.913	90.718.559.111
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(22.404.004.089)	(54.181.971.080)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	119.779.255.653	40.380.743.779
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.398.523.632)	(21.787.548.754)
31	12. Thu nhập khác	32	11.706.442.631	7.462.310.760
32	13. Chi phí khác	33	9.409.829.001	14.501.244.635
40	14. Lợi nhuận khác		2.296.613.630	(7.038.933.875)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.101.910.002)	(28.826.482.629)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	1.639.903.413	18.772.823.326
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		5.755.927.070	6.664.766.571
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(19.497.740.485)	(54.264.072.526)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		4.224.092.653	(25.247.311.907)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(23.721.833.138)	(29.016.760.619)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	53	(317)

Đào

Hay



Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp giá trị tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(12.101.910.002)	(28.826.482.629)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		22.766.736.785	24.870.770.683
03	- Các khoản dự phòng		96.269.068.337	26.768.292.207
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.973.328.679)	20.924.862.947
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(66.051.829.583)	(8.357.625.060)
06	- Chi phí lãi vay		94.099.996.913	90.718.559.111
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		131.008.733.771	126.098.377.259
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(389.587.425.399)	2.346.353.074.051
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		304.280.898.867	235.088.869.573
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(380.924.324.699)	(849.582.772.710)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.761.447.666)	(11.548.200.555)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(74.629.850.409)	(63.508.806.668)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.583.403.701)	(30.189.840.248)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.231.367.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.235.516.261)	(12.572.408.372)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(442.432.335.497)	1.743.369.659.330
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.164.217.392)	(4.505.995.294)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.161.281.331	5.337.414.522
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.800.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.073.482.879	11.309.855.447
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		79.879.969.565	40.848.836.019
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		78.150.516.383	52.990.110.694
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(478.858.698)	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.592.502.249.351	1.700.153.464.380
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(3.089.580.943.478)	(2.105.801.467.617)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.399.994.038)	(2.368.201.702)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.091.493.015)	(7.948.860.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		492.950.960.122	(415.965.065.339)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		128.669.141.008	1.380.394.704.685
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.600.575.993.302	1.228.695.716.313
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.794.873.631	(8.514.427.696)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.738.040.007.941</u>	<u>2.600.575.993.302</u>

Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 797.261.040.000 VND; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là thi công và xây lắp các công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các môi hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 7	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế các nhà máy công nghiệp

Tổng Công ty có các công ty liên kết được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lilama 10	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 18	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Hải Dương	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Hà Nội	36,18%	36,18%	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty Cổ phần.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD - Công ty con của Tổng Công ty lập báo cáo tài chính theo đồng Đô la Brunei (BND). Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty theo luật định tại Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập bằng Đô la Brunei (BND) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 317 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phi khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.11 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.12 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.13 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.14 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
--------------------------	-------------

2.15 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.16 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.17 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 60 tháng.

2.18 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.19 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.20 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.21 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước giá vốn các dự án... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập tối đa 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.23 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.24 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.25 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng: Được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.26 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2023.

Thuế suất thuế TNDN tại Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD được áp dụng theo quy định của nước sở tại.

2.29 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.248.184.297	1.985.091.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.303.306.930.309	1.246.806.008.364
Các khoản tương đương tiền	1.432.484.893.335	1.351.784.893.335
	<u>2.738.040.007.941</u>	<u>2.600.575.993.302</u>

Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 1.432.484.893.335 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	5.800.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.800.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	190.000.000	-	320.000.000	-
- Trái phiếu (**)	190.000.000	-	320.000.000	-
	<u>5.990.000.000</u>	<u>-</u>	<u>320.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 5.800.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiền Phong - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5,20%/năm.

(**) Tại ngày 31/12/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn 10 năm với ngày đáo hạn là 19/12/2028 theo hình thức lãi trả sau, định kỳ 1 năm một lần.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

	31/12/2023				01/01/2023			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	VND
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	1.842.280.614	36,00%	36,00%	7.259.325.983	VND
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Tỉnh Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	7.169.358.548	40,83%	40,83%	12.544.561.008	
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Tỉnh Đồng Nai	35,06%	35,06%	-	35,06%	35,06%	-	
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Thành phố Hà Nội	27,93%	27,93%	30.217.429.493	27,93%	27,93%	30.176.914.969	
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Thành phố Hà Nội	36,18%	36,18%	11.207.848.442	36,18%	36,18%	10.413.621.328	
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Thành phố Hà Nội	45,45%	45,45%	944.438.031	45,45%	45,45%	959.438.031	
- Công ty Cổ phần Lilama 10	Thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	100.605.329.832	36,00%	36,00%	95.953.805.096	
- Công ty Cổ phần Lilama 18	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	130.040.474.890	36,00%	36,00%	127.252.412.487	
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Tỉnh Bắc Ninh	41,10%	41,10%	10.170.623.258	41,10%	41,10%	30.250.391.874	
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Tỉnh Hải Dương	36,00%	36,00%	29.006.722.390	36,00%	36,00%	28.798.238.811	
				321.204.505.498			343.608.509.587	

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023		
	Mã chứng khoán	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)		2.165.892.592	(31.372.172)	2.165.892.592	(33.884.148)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	HNA	85.696.088.606	-	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		16.169.971.505	(4.295.983.105)	16.169.971.505	(2.237.866.330)
- Công ty Cổ phần BV Invest		92.816.340.337	-	92.816.340.337	-
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		255.227.056.322	(24.126.391.980)	255.227.056.322	(22.070.787.181)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên sàn chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá đóng của tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023 của các công ty này là giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	Tỉnh Đà Nẵng	2%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Tỉnh Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Tỉnh Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Tỉnh Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần BV Invest	TP. Hà Nội	15,25%	15,25%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Tỉnh Quảng Ngãi	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>37.019.320.166</i>	<i>(7.905.095.600)</i>	<i>55.297.303.272</i>	<i>(3.652.723.164)</i>
- Công ty CP Lilama 45.1	14.665.166.520	(4.393.118.642)	14.649.060.851	(140.746.206)
- Công ty CP Lilama 10	4.811.493.029	-	5.608.220.791	-
- Công ty CP Lilama 69.3	9.935.156.629	-	23.170.487.637	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	770.688	-	-	-
- Công ty CP Lilama 18	233.079.355	-	4.545.937.522	-
- CTCP Lilama 45.4	3.511.976.958	(3.511.976.958)	3.511.976.958	(3.511.976.958)
- CTCP Lilama 45.3	2.689.441.488	-	2.682.041.107	-
- CTCP Lilama 69.1	1.133.355.499	-	1.050.978.406	-
- Công ty CP Lắp máy -Thí nghiệm Cơ điện	38.880.000	-	78.600.000	-

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	1.724.977.843.214	(383.218.449.796)	1.409.623.509.028	(416.288.482.543)
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	422.733.086.590	-	163.490.754.225	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 - PVC	290.589.445.393	(192.799.625.046)	367.344.135.007	(271.604.863.316)
- Thyssenkrupp Industrial Solutions BRN SDN BHD	-	-	5.321.650.344	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	61.298.055.187	(61.298.055.187)	66.510.764.847	(66.510.764.847)
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	37.967.361.316	(25.904.312.456)	50.967.361.316	(25.003.080.326)
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban QLDA Điện	321.825.393.604	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.000.402.901	(39.000.402.901)	39.000.402.901	-
- Doosan Heavy Industries Vietnam Co Ltd- Nghi Sơn 2	-	-	144.038.249.082	-
- Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho Nhà máy thuộc DA ND BOT Vân Phong 1	110.121.378.497	-	104.026.370.668	-
- Phải thu khách hàng khác	441.442.719.726	(64.216.054.206)	468.923.820.638	(53.169.774.054)
	<u>1.761.997.163.380</u>	<u>(391.123.545.396)</u>	<u>1.464.920.812.300</u>	<u>(419.941.205.707)</u>

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	106.026.961.354	(29.631.019.786)	51.583.794.060	(3.935.088.816)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	29.888.980.436	(21.951.655.974)	38.742.982.119	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	11.431.018.327	(7.679.363.812)	11.431.018.327	(3.935.088.816)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.409.793.614	-	1.409.793.614	-
- Công ty Cổ phần Lilama 10	63.297.168.977	-	-	-
Bên khác	817.798.322.011	(91.553.846.417)	794.139.120.910	(86.936.450.938)
- Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.716.011.731	-	46.716.011.731	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	317.329.722.539	(91.553.846.417)	293.670.521.438	(86.936.450.938)
	923.825.283.365	(121.184.866.203)	845.722.914.970	(90.871.539.754)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	121.695.323.551	(121.695.323.551)	127.638.806.430	(127.638.806.430)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	96.071.045.096	(96.071.045.096)	102.014.527.975	(102.014.527.975)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	25.624.278.455	(25.624.278.455)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
Bên khác	241.620.007.893	(241.620.007.893)	241.620.007.893	(241.620.007.893)
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	363.315.331.444	(363.315.331.444)	369.258.814.323	(369.258.814.323)

Bao gồm các khoản cho vay với các đối tác từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.550.445.200	(3.131.988.200)	3.620.445.290	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay ⁽¹⁾	271.318.999.986	(267.516.522.029)	261.948.051.104	(256.142.857.109)
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	188.118.830	-	139.845.378	-
- Tạm ứng	40.038.032.466	-	38.154.648.810	-
- Ký cược, ký quỹ	195.701.394	-	225.738.984	-
- Phải thu tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư ⁽²⁾	38.537.593.013	(38.537.593.013)	42.872.855.944	-
- Liên danh PECOM-LILAMA (Trạm Kim Xá) ⁽³⁾	10.977.541.421	-	1.803.629.070	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình ⁽⁴⁾	10.813.465.083	-	-	-
- Phải thu khác	101.759.070.862	(54.289.078.701)	101.868.941.711	(54.259.406.653)
	484.578.968.255	(363.475.181.943)	450.834.156.291	(313.534.251.962)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	85.105.262.941	(85.093.476.141)	74.235.003.311	(73.719.811.221)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	67.939.236.516	(67.939.236.516)	58.951.191.922	(58.951.191.922)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	14.028.734.025	(14.022.251.425)	11.643.113.699	(11.636.631.099)
- Công ty Cổ phần Lilama 10	-	-	4.822.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	-	-	10.126.200	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	5.304.200	-	5.304.200	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	-	-	488.457.090	-

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	399.473.705.314	(278.381.705.802)	376.599.152.980	(239.814.440.741)
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	(75.897.140.431)	75.867.468.383	(75.867.468.383)
- Công ty Cổ phần Lisemco	144.066.231.662	(144.066.231.662)	144.224.764.335	(144.066.231.662)
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông - Chi nhánh Hà Nội	8.330.407.947	(8.330.407.947)	8.330.407.947	(8.330.407.947)
- Các đối tượng khác	161.422.275.642	(50.087.925.762)	138.389.190.635	(11.550.332.749)
	484.578.968.255	(363.475.181.943)	450.834.156.291	(313.534.251.962)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.742.000.000	-	8.826.300.000	-
	8.742.000.000	-	8.826.300.000	-

⁽¹⁾ Khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay chủ yếu của các khoản cho vay của các đối tác được trình bày tại thuyết minh số 07- Phải thu về cho vay ngắn hạn.

⁽²⁾ Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

⁽³⁾ Đây là số tiền Tổng Công ty được phép giải ngân từ tài khoản thanh toán chung (chuyên chi) của Liên danh Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu ("PECOM" - thành viên đứng đầu liên danh) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An được sử dụng để nhận thanh toán từ Chủ đầu tư và thanh toán cho các nhà thầu phụ/chi phí của từng thành viên của liên danh trong cho việc thực hiện gói thầu CW03: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị, xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm Kim Xá và công trình phụ trợ".

⁽⁴⁾ Khoản tiền Thuế nhập khẩu Tổng Công ty đứng ra trả thay cho Nhà thầu liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I, khi quyết toán với Nhà thầu sẽ bù trừ số tiền này với số tiền Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng				
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	290.589.445.393	97.789.820.347	367.344.135.007	95.739.271.691
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	61.298.055.187	-	66.510.764.847	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	14.597.651.580	-	15.097.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	9.043.466.795	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	37.967.361.316	12.063.048.860	50.967.361.316	25.964.280.990
- Công ty CP Lilama Hà Nội	39.000.402.901	-	39.000.402.901	39.000.402.901
- Các khoản khác	51.550.202.868	3.068.323.466	34.147.624.826	1.466.245.983
b. Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty CP Lilama 45.1	96.071.045.096	-	102.014.527.975	-
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	-	25.624.278.455	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
c. Phải thu ngắn hạn khác				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.128.889.942	-	11.128.889.942	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.897.140.431	-	75.867.468.383	-
- Công ty Cổ phần Lilama	67.939.236.516	-	58.951.191.922	-
- Công ty CP Lilama 45.3	14.022.251.425	-	11.636.631.099	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các khoản khác	47.287.595.796	-	8.751.850.754	-
d. Ứng trước cho người bán				
- Công ty Cổ phần Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	22.343.291.198	5.164.766.049	22.343.291.198	10.282.285.778
- Các khoản khác	54.691.424.814	17.583.519.269	17.819.649.512	5.907.550.687
	1.374.768.402.977	135.669.477.991	1.371.965.849.776	178.360.038.030

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.140.497.417	-	3.435.150.083	-
Công cụ, dụng cụ	1.511.324.177	-	5.992.677.435	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	420.539.806.398	-	722.044.699.341	-
Thành phẩm	306.831.250	-	306.831.250	-
Hàng hoá	5.605.456.828	-	5.605.456.828	-
	433.103.916.070	-	737.384.814.937	-

(*) Chi tiết các dự án dở dang:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	133.914.478.517	418.480.846.429
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	13.002.510.784	7.422.846.362
- Nhà máy hóa dầu Long Sơn	-	57.475.030.280
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	4.760.037.033	-
- Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong 1	3.466.907.829	31.043.824.592
- Trạm biến áp 220KV Yên Thủy	-	12.843.699.126
- Dự án nhà máy Hydrogen Neom	39.440.097.127	-
- Các công trình khác	225.955.775.108	194.778.452.552
	420.539.806.398	722.044.699.341

11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (*)	30.749.483.207	35.609.189.360
- Dự án khu văn phòng Tổng Công ty tại đường vành đai 3 (**)	-	4.025.382.349
- Cải tạo nhà xưởng điều chuyển nhà máy que hàn	1.179.091.045	1.179.091.045
	31.928.574.252	40.813.662.754

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 192/NQ-DHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty được đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương sẽ hoàn trả lại 02 dự án trên, đối với các chi phí đã bỏ ra, Tổng Công ty sẽ làm việc với UBND Thành phố Hà Nội và UBND Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị được hoàn trả lại.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 - TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.487.220.791	203.492.868.998	356.986.070.793	7.970.138.177	7.888.791.530	732.825.090.289
- Mua trong năm	-	2.443.985.292	(161.153.195)	122.400.000	342.000.000	2.747.232.097
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	3.481.627.928	-	-	3.481.627.928
- Sửa chữa, nâng cấp tài sản	-	74.418.892	46.838.008	-	-	121.256.900
- Thanh lý, nhượng bán	(36.285.900)	(1.458.131.636)	(3.478.079.390)	(552.940.968)	(670.402.202)	(6.195.840.096)
- Giảm khác	-	(197.990.415)	-	-	-	(197.990.415)
Số dư cuối năm	156.450.934.891	204.355.151.131	356.875.304.144	7.539.597.209	7.560.389.328	732.781.376.703
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (Đã điều chỉnh)	111.185.495.417	150.421.392.605	327.994.362.729	7.264.527.952	7.227.063.418	604.092.842.121
- Khấu hao trong năm	4.345.598.349	6.090.338.910	8.546.222.015	223.299.491	379.378.168	19.584.836.933
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	2.117.602.076	-	-	2.117.602.076
- Thanh lý, nhượng bán	(36.285.900)	(1.456.854.122)	(3.478.079.390)	(552.940.968)	(670.402.202)	(6.194.562.582)
- Giảm khác	-	(197.990.415)	-	-	-	(197.990.415)
Số dư cuối năm	115.494.807.866	154.856.886.978	335.180.107.430	6.934.886.475	6.936.039.384	619.402.728.133
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	45.301.725.374	53.071.476.393	28.991.708.064	705.610.225	661.728.112	128.732.248.168
Tại ngày cuối năm	40.956.127.025	49.498.264.153	21.695.196.714	604.710.734	624.349.944	113.378.648.570

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 45.983.462.385 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 466.067.292.601 VND.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tái, truyền dẫn
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	6.996.703.636
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.477.052.728)
Số dư cuối năm	3.519.650.908
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.878.161.787
- Trích khấu hao	813.882.545
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.117.602.076)
Số dư cuối năm	574.442.256
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	5.118.541.849
Tại ngày cuối năm	2.945.208.652

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	16.253.857.047	2.116.238.184	18.370.095.231
- Mua trong năm	-	130.000.000	130.000.000
Số dư cuối năm	16.253.857.047	2.246.238.184	18.500.095.231
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.116.238.184	2.116.238.184
- Khấu hao trong năm	-	9.435.485	9.435.485
Số dư cuối năm	-	2.125.673.669	2.125.673.669
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	16.253.857.047	-	16.253.857.047
Tại ngày cuối năm	16.253.857.047	120.564.515	16.374.421.562

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.116.238.184 VND.

() Quyền sử dụng đất bao gồm:*

Tại Công ty con - CTCP Lilama 7: Số 06 Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng với giá trị 395.845.835 VND; Địa điểm: Lô C1-9 đường 2 tháng 9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng với giá trị 4.800.000.000 VND; Địa điểm: Tổ dân phố 10, thị trấn Tứ Hạ, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế với giá trị 460.332.000 VND;

Tại Tổng Công ty: Quyền sử dụng đất tại số 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với giá trị 10.597.679.212 VND.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 VND, khấu hao lũy kế tính đến ngày 31/12/2023 là 41.702.472.446 VND, khấu hao trong năm là 2.305.156.152 VND, giá trị còn lại của tài sản là 15.425.491.074 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	610.756.730	309.121.777
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	29.407.332	26.663.091
Chi phí trả trước dự án điện Vũng Áng 2	371.740.932	201.041.275
Chi phí trả trước dự án Nhiệt điện Văn Phong 1	37.500.000	49.553.293
Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	227.410.838	197.125.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	790.000	568.762.513
	1.277.605.832	1.352.266.949
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	23.151.842.788	2.599.296.270
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Văn Phong 1	-	7.262.834.878
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	4.130.084.502
Chênh lệch xác định lại giá trị doanh nghiệp	-	2.406.496.155
Chi phí thuê đất	7.407.672.498	7.719.574.494
Công cụ, vật tư trả trước cho các công trình, dự án khác	13.732.823.285	15.776.569.348
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	26.603.381.650	36.386.734.528
Chi phí trả trước dài hạn dự án gia công, chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị điện phân (Dự án Nhà máy Hydrogen NEOM)	15.239.818.947	3.651.023.175
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.580.462.535	1.947.279.568
	87.716.001.703	81.879.892.920

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>299.743.433.970</i>	<i>299.743.433.970</i>	<i>431.000.735.587</i>	<i>431.000.735.587</i>
- Công ty Cổ phần Lilama 18	257.695.938.037	257.695.938.037	238.581.671.779	238.581.671.779
- Công ty Cổ phần Lilama 10	-	-	131.332.077.316	131.332.077.316
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	17.990.613.750	17.990.613.750	22.509.759.143	22.509.759.143
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	4.795.660.379	4.795.660.379	15.789.703.182	15.789.703.182
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	19.261.221.804	19.261.221.804	22.787.524.167	22.787.524.167
<i>Bên khác</i>	<i>1.598.384.573.862</i>	<i>1.598.384.573.862</i>	<i>1.655.358.299.859</i>	<i>1.655.358.299.859</i>
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	24.133.521.208	24.133.521.208	135.740.996.273	135.740.996.273
- Babcock & Wilcox Beijing Co., Ltd	54.405.663.756	54.405.663.756	176.872.247.506	176.872.247.506
- Liên doanh Tập đoàn Toshiba và Tập đoàn Sejitz	208.195.256.398	208.195.256.398	202.124.528.961	202.124.528.961
- Viện nghiên cứu cơ khí (NARIME)	8.949.152.998	8.949.152.998	80.831.056.359	80.831.056.359
- Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	74.894.136.386	74.894.136.386	89.709.694.671	89.709.694.671
- Công ty Cổ phần FECON	105.091.636.335	105.091.636.335	82.380.113.607	82.380.113.607
- Phải trả các đối tượng khác	1.122.715.206.781	1.122.715.206.781	887.699.662.482	887.699.662.482
	<u>1.898.128.007.832</u>	<u>1.898.128.007.832</u>	<u>2.086.359.035.446</u>	<u>2.086.359.035.446</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Ban Quản lý Dự án điện	-	435.843.255.500
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.777.498.144	40.777.498.144
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.581.801.966	16.072.639.158
- Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam - Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	42.584.943.839	64.455.110.000
- Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA (*)	333.700.913.614	209.573.986.178
- Các đối tượng khác	35.804.356.100	99.442.015.092
	454.449.513.663	866.164.504.072

(*) Khoản tạm ứng của Nhà thầu chính là Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng số 32017394 ngày 07 tháng 11 năm 2022 liên quan đến dự án gia công chế tạo và tổ hợp các thiết bị điện phân cho Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh tại Ả Rập Xê-út ("Kingdom of Saudi Arabia").

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	89.526.807.767	80.870.126.346
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	108.832.877.647	108.832.877.647
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	60.142.045.195	42.921.214.517
- Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4	238.174.855.809	-
- Dự án Hydrogen Neom	149.798.432.406	-
- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2	934.960.469	44.804.654.834
- Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	-	79.465.294.966
- Dự án Nhiệt điện Vân Phong 1	118.142.736.992	191.236.258.177
- Chi phí phải trả khác	83.515.228.453	91.173.545.333
	849.067.944.738	639.303.971.820
b) Chi phí phải trả dài hạn		
- Chi phí công trình Xi măng Bút Sơn	-	1.588.264.113
	-	1.588.264.113
c) Trong đó: Bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 10	164.164.075.938	103.137.022.255
- Công ty Cổ phần Lilama 18	22.582.289.608	38.521.388.644
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	7.937.324.462	7.937.324.462
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.666.113.245	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	2.816.694.046	1.916.088.883
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	66.220.625.520	39.342.330.163
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	1.928.811.474	6.562.714.228
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	1.644.832.300	1.108.699.517
	268.960.766.593	198.525.568.152

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	19.759.092.780	6.251.017.064	71.671.826.719	68.274.585.144	12.189.184.415	2.078.350.274						
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	5.315.923.526	5.315.923.526	1.743.892.812	-						
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.390.338.013	15.097.376.090	1.639.903.413	20.583.403.701	23.390.338.013	1.153.875.802						
Thuế Thu nhập cá nhân	-	183.415.445	3.607.761.104	3.240.660.851	-	550.515.698						
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	1.598.747.357	8.465.899.045	7.906.332.915	-	2.158.313.487						
Các loại thuế khác	44.768	93.280.899	1.405.776.232	909.925.835	14.768	589.101.296						
	39.893.368.373	23.223.836.855	92.107.090.039	106.230.831.972	37.323.430.008	6.530.156.557						

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	63.248.864.218	48.082.674.744		
	63.248.864.218	48.082.674.744		
b) Dài hạn				
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	80.320.138.012	46.765.977.188		
	80.320.138.012	46.765.977.188		

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	104.730.000	170.607.273
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất	718.289.460	681.111.460
	823.019.460	851.718.733
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	14.353.408.391	14.992.019.851
	14.353.408.391	14.992.019.851

23 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	4.712.766.460	4.813.439.428
- Bảo hiểm xã hội	30.155.442.037	30.522.814.232
- Bảo hiểm y tế	895.197.790	913.616.109
- Bảo hiểm thất nghiệp	172.153.987	153.017.818
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	3.821.925.981
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.100.000	124.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	393.796.725	512.679.340
- Phải trả lãi vay	22.955.333.029	12.141.867.946
- Phải trả tạm ứng cho nhân viên	29.355.864.507	29.887.475.684
- Doosan Heavy industries & Construction Co.,Ltd	1.278.881.277	1.084.365.940
- Hamon Research-Cottrell GmbH (*)	150.793.359.500	146.396.403.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.281.726.904	34.245.520.815
	272.318.622.216	264.617.226.793
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.151.886.839	885.246.839
	1.151.886.839	885.246.839
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 18	292.943.574	191.216.979
- Công ty Cổ phần Lilama 10	65.654.264	34.435.674
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	3.510.720	3.510.720
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	77.688.672	21.379.488
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	13.403.520	23.009.415
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	57.018.632	57.018.632
	510.219.382	330.570.908

(*) Khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ký kết với nhà thầu Hamon Research-Cottrell GmbH (Hamon) theo các gói thầu M05-FGD và M06-ESP với tổng số tiền 6.175.500 USD thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do chưa xác định được đầy đủ nghĩa vụ phải trả cũng như các chi phí có thể phát sinh liên quan đến Hamon, chủ đầu tư và các bên liên quan khác nên Tổng công ty chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023 khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Tổng Công ty đang theo dõi sát sao tình hình thực hiện thủ tục phá sản, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của Hamon để có các phương án giải quyết phù hợp.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

24 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	1.119.578.666.877	1.119.578.666.877	3.592.403.899.332	3.089.580.943.478	1.622.401.622.731	1.622.401.622.731
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	735.813.098.685	735.813.098.685	3.582.868.986.487	3.075.533.261.084	1.243.148.824.088	1.243.148.824.088
- Tại Công ty Cổ phần Lilama 7 ⁽²⁾	73.405.313.862	73.405.313.862	4.887.112.845	5.368.967.394	72.923.459.313	72.923.459.313
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽³⁾	87.756.189.087	87.756.189.087	4.647.800.000	8.314.830.000	84.089.159.087	84.089.159.087
- Tại Công ty Cổ phần Lilama 5 ⁽⁴⁾	222.604.065.243	222.604.065.243	-	363.885.000	222.240.180.243	222.240.180.243
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.203.294.000	1.203.294.000	798.439.223	1.301.644.019	700.089.204	700.089.204
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	809.894.004	809.894.004	700.089.204	809.894.004	700.089.204	700.089.204
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽³⁾	393.399.996	393.399.996	98.350.019	491.750.015	-	-
Và						
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	3.318.546.994	3.318.546.994	-	809.894.004	2.508.652.990	2.508.652.990
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽³⁾	491.750.015	491.750.015	-	491.750.015	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	3.810.297.009	3.810.297.009	-	1.301.644.019	2.508.652.990	2.508.652.990
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	(1.203.294.000)	(1.203.294.000)	(798.439.223)	(1.301.644.019)	(700.089.204)	(700.089.204)
	2.607.003.009	2.607.003.009			1.808.563.786	1.808.563.786

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay xem tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bộ Xây dựng	97,88	780.324.040.000	97,88	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12	16.937.000.000	2,12	16.937.000.000
	100	797.261.040.000	100	797.261.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	512.679.340	488.929.340
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	7.972.610.400	7.972.610.400
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	7.972.610.400	7.972.610.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(8.091.493.015)	(7.948.860.400)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(8.091.493.015)	(7.948.860.400)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	393.796.725	512.679.340

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	91.774.510.243	83.788.875.172
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.290.851	18.290.851
	91.792.801.094	83.807.166.023

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tầng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể;

- Công ty Cổ phần Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại số 179 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bìn Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm trụ sở Công ty Cổ phần Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 14.867 m². Theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm;

- Công ty Cổ phần Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại khu phố số 6, phường Bắc Sơn, thị xã Bìn Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm nhà máy chế tạo TB và KCT thuộc Công ty Cổ phần Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 26.435,9 m², theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm;

- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ký các hợp đồng thuê đất tại số khu đất số 72E, đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama. Diện tích khu đất thuê là 29.873 m², theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama phải trả tiền thuê đất hàng năm (43 năm từ ngày 01/07/2003 đến 01/07/2046);

- Công ty Cổ phần Lilama 7 ký hợp đồng thuê đất tại Lô D, đường số 3, Khu công nghiệp Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng để làm kho với tổng diện tích khu đất thuê là 48.600 m² trong thời gian 40 năm (từ ngày 16/10/2007 đến ngày 16/10/2047). Công ty Cổ phần Lilama 7 đã trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.834.044,49	49.941.767,21
- Đồng Euro (EUR)	-	217.915,13
- Đô la Brunei (BND)	233.517,51	24.231,76

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.323.093.592	11.323.093.592

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	5.022.270.148.544	2.790.230.085.218
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.791.673.826	80.745.951.931
Doanh thu bán hàng hóa	968.010.248	5.110.194.000
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	-	15.993.180.000
	5.079.029.832.618	2.892.079.411.149
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	26.046.606.343	75.025.287.127

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	4.882.791.996.233	2.689.134.433.190
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	75.708.873.096	87.329.931.883
Giá vốn bán hàng hóa	890.559.406	12.388.162.620
Giá vốn bán hàng hóa bất động sản	-	12.997.882.416
	4.959.391.428.735	2.801.850.410.109
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	1.301.422.375.356	931.773.333.754
Tổng giá trị mua vào:	1.301.422.375.356	931.773.333.754

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	69.230.552.857	47.118.775.137
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.950.365.500	10.280.048.824
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	39.039.291.134	59.117.829.471
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.973.328.679	-470.313
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	272.564.670
	139.193.538.170	116.789.688.415
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	18.313.989.920	18.603.593.031

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	94.099.996.913	90.718.559.111
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.280.639.451	13.517.458.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	20.925.333.260
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	6.793.007	(3.047.743.987)
Dự phòng lãi cho vay khó đòi	11.373.664.920	12.001.260.531
Chi phí tài chính khác	286.111.652	128.655.441
	131.047.205.943	134.243.523.350

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	704.984.831	942.430.972
Chi phí nhân công	49.747.453.039	53.146.803.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.240.464.833	5.213.779.442
Thuế, phí, lệ phí	1.723.093.500	1.918.690.289
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	34.119.448.320	(41.161.914.430)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.548.211.174	12.115.792.256
Chi phí khác bằng tiền	15.695.599.956	8.205.161.843
	119.779.255.653	40.380.743.779
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	196.363.636	510.303.030

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.160.003.817	5.317.761.004
Tiền phạt thu được	103.382.152	-
Thu nhập khắc phục sự cố của nhà thầu phụ	831.529.976	747.536.027
Thu từ bán phế liệu	117.796.364	1.069.463.889
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.783.731.161	-
Thu nhập khác	6.709.999.161	327.549.840
	11.706.442.631	7.462.310.760
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	5.000.000	44.000.000

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	176.988.825
Các khoản bị phạt	4.717.953.365	9.046.728.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định không tham gia sản xuất kinh doanh	4.289.382.000	4.289.382.000
Chi phí khác	402.493.636	988.145.531
	9.409.829.001	14.501.244.635

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	184.958.715	5.415.086.583
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	1.454.944.698	13.049.865.105
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 7	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	-	307.871.638
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.639.903.413	18.772.823.326

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.224.092.653	(25.247.311.907)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.224.092.653	(25.247.311.907)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	79.726.104	79.726.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	(317)

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.822.183.660	121.185.675.858
Chi phí nhân công	386.820.776.787	213.421.663.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.713.311.115	24.870.770.683
Chi phí dự phòng	34.119.448.320	(41.161.914.430)
Dự phòng bảo hành	61.070.388.772	53.927.804.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.999.369.978	223.696.511.439
Chi phí thuê thầu phụ	3.948.929.568.491	1.922.498.282.339
Chi phí khác bằng tiền	93.504.493.889	74.907.703.792
	4.874.979.541.012	2.593.346.497.731

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.735.791.823.644	-	-	2.735.791.823.644
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.491.977.404.296	8.742.000.000	-	1.500.719.404.296
Các khoản cho vay	5.800.000.000	190.000.000	-	5.990.000.000
	<u>4.233.569.227.940</u>	<u>8.932.000.000</u>	<u>-</u>	<u>4.242.501.227.940</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.598.590.901.699	-	-	2.598.590.901.699
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.182.279.510.922	8.826.300.000	-	1.191.105.810.922
Các khoản cho vay	-	320.000.000	-	320.000.000
	<u>3.780.870.412.621</u>	<u>9.146.300.000</u>	<u>-</u>	<u>3.790.016.712.621</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	1.623.101.711.935	1.808.563.786	-	1.624.910.275.721
Phải trả người bán, phải trả khác	2.170.446.630.048	1.151.886.839	-	2.171.598.516.887
Chi phí phải trả	849.067.944.738	-	-	849.067.944.738
	4.642.616.286.721	2.960.450.625	-	4.645.576.737.346
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	1.120.781.960.877	2.607.003.009	-	1.123.388.963.886
Phải trả người bán, phải trả khác	2.350.976.262.239	885.246.839	-	2.351.861.509.078
Chi phí phải trả	639.303.971.820	1.588.264.113	-	640.892.235.933
	4.111.062.194.936	5.080.513.961	-	4.116.142.708.897

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 số 10/NQ-DHDCĐ ngày 18/01/2024 đã thông qua "Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021 - 2025" với một số nội dung như sau:

- Thực hiện thoái giảm vốn nhà nước về 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2024- 2025 theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 và Quyết định số 382/QĐ-BXD ngày 11/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2022 - 2025;
- Về chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng công ty lên 1.500 tỷ VND; thực hiện theo quy định tại Khoản 20 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan. Việc tăng vốn điều lệ của Tổng công ty chỉ được thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định;
- Tài cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, duy trì tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng công ty đến 36% vốn điều lệ tại 02 công ty: Công ty cổ phần LILAMA 10 và Công ty cổ phần LILAMA 18;
- Tiếp tục duy trì hoặc chuyển nhượng/ giải thể để thu hồi vốn đối với Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD (Lilama Sea);
- Thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại 19 công ty con, công ty liên kết, đầu tư tài chính khác.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Bán hàng hóa	Hoạt động xây lắp, dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên	968.010.248	5.078.061.822.370	5.079.029.832.618
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.450.842	119.560.953.041	119.638.403.883
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	2.747.232.097	2.747.232.097
Tài sản không phân bổ			6.370.126.253.869
Tổng tài sản	-	-	6.370.126.253.869
Nợ phải trả không phân bổ			5.426.644.547.229
Tổng nợ phải trả	-	-	5.426.644.547.229
Theo khu vực địa lý			
	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.020.356.081.512	58.673.751.106	5.079.029.832.618
Tài sản bộ phận	6.287.405.965.873	82.720.287.996	6.370.126.253.869
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.747.232.097	-	2.747.232.097

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết

Và các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc - Chi tiết tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.046.606.343	75.025.287.127
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	14.912.656	9.690.584
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	413.290.434	115.790.654
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	164.305.600	164.234.240
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	6.852.205	7.045.337
Công ty Cổ phần Lilama 10	1.814.624.692	3.158.612.652
Công ty Cổ phần Lilama 18	19.257.490.940	18.690.250.077
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	3.442.356.704	16.968.108.529
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	932.773.112	35.911.555.054

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	196.363.636	510.303.030
Công ty Cổ phần Lilama 18	196.363.636	196.363.636
Công ty Cổ phần Lilama 10	-	313.939.394
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.301.422.375.356	931.773.333.754
Công ty Cổ phần Lilama 10	322.327.335.953	231.233.573.380
Công ty Cổ phần Lilama 18	899.734.712.091	535.622.220.367
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	10.379.525.000	4.135.412.369
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	26.111.688.672	132.121.455.927
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	25.271.269.078	21.668.748.728
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	17.597.844.562	6.991.922.983
Cổ tức được chia	6.940.325.000	6.602.332.500
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.560.400.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	3.379.925.000	3.041.932.500
Lãi cho vay, lãi trả chậm	11.373.664.920	12.001.260.531
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	8.988.044.594	9.615.640.205
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.385.620.326	2.385.620.326
Thu nhập khác từ phạt sự cố các Nhà thầu phụ	5.000.000	44.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	5.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	-	15.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	-	14.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

<u>Thu nhập của Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	585.600.000	516.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	259.800.000	84.000.000

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

<u>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	628.800.000	564.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	519.600.000	468.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	435.600.000	384.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	519.600.000	468.000.000
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/07/2022)	435.600.000	330.640.000
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 01/05/2022)	-	128.000.000

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thu nhập của Ban Kiểm soát	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm	409.200.000	360.000.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 căn cứ theo kết luận Thanh tra Chính phủ về việc xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất					
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(605.308.271.947)	(604.092.842.121)	1.215.429.826	(1)
Chi phí trả trước dài hạn	261	79.473.396.765	81.879.892.920	2.406.496.155	(2)
Phải trả ngắn hạn khác	319	260.995.300.812	264.617.226.793	3.621.925.981	(3)

- (1) Điều chỉnh do xác định lại khung khấu hao một số tài sản cố định quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính;
- (2) Điều chỉnh do xác định lại giá trị thương hiệu của Tổng Công ty và giá trị công cụ, dụng cụ tăng thêm;
- (3) Tăng phải trả về cổ phần hóa do ảnh hưởng do ảnh hưởng của 02 nội dung trên.



Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TONG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCF

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

PHỤ LỤC 1: VAY NGÂN HÀNG

Tham chiếu	STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2023 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Lập máy Việt Nam - CTCF ⁽¹⁾	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I theo hợp đồng tín dụng số 02/2022/S18/HDTĐM/SD ngày 21/03/2022	4.200.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 29/03/2026	885.194.122.476	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đối với Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cũng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/S18/HDTĐM ngày 30/03/2023	2.600.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 29/03/2024	132.063.785.486	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp; không bao gồm việc cấp tín dụng cho Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cũng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 110/2023/HDTĐ/PHG ngày 16/05/2023	1.300.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	12 tháng	111.433.090.922	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thanh toán chi phí thi công đối với công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1	Không có tài sản đảm bảo
	5	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 112/2023/HDTĐ/PHG ngày 16/05/2023	600.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	12 tháng	108.676.417.922	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thanh toán chi phí thi công đối với công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cũng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320-LILAMA-44 ngày 02/02/2023	280.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	Thời hạn giải ngân đến hết ngày 26/10/2025	2.524.461.061	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cũng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	7	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320-LILAMA-44 ngày 02/02/2023	260.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	Thời hạn giải ngân đến hết ngày 26/10/2025	3.256.946.221	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cũng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ

12/13 < < /2021

12/13 < < /2021

Tham chiến	STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2023 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Lilama 7 ⁽²⁾	1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hợp đồng tín dụng hạn mức 25/07/2021/HETD ngày 25/7/2021	60.000.000.000	Lãi suất vay trong kỳ từ 12%/năm - 14%/năm	12 tháng kể từ ngày 26/07/2021. Hiện tại hợp đồng đã hết hạn nhưng Công ty chưa thực hiện gia hạn.	37.064.824.760	Bổ sung vốn lưu động.	Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0002.2110/09/ĐĐ ngày 21/10/2009 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (trụ sở) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 258698 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2006, cùng với một số tài sản, máy móc thiết bị khác của Công ty.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-202300276 ngày 24/02/2023	40.000.000.000	Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ	Đến hết ngày 24/02/2024	35.858.634.553	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BA 406654, BA 406651, BA 406653, BA 406652 do UBND huyện Hương Trà cấp ngày 17/08/2020.
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽³⁾	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	120.000.000.000	Lãi suất được quy định cụ thể từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Hợp đồng này đã hết hạn vào ngày 31/12/2020. Các khoản vay quá hạn đã được kỳ các hợp đồng tín dụng cụ thể và phụ lục gia hạn bổ sung	83.789.159.087	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh cho hoạt động xây lắp	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	2	Vay cá nhân		Không tính lãi suất	1 tháng	300.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty	
Công ty Cổ phần Lilama 5 ⁽⁴⁾	1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng cho vay tăng lần số 18910307/2018-HDCVTL/NHCT422-LILAMA ngày 6/7/2018	8.200.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 09 tháng Đã quá hạn thanh toán	5.558.523.200	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện HĐKT số 01/XL.3-L.5 ngày 12/12/2017 - thi công xây dựng nhà máy nghiền xi măng, nhà nén khí, dự án xi măng Bỉm Sơn.	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng tín dụng số 30201/2017-HDTC/NHCT422-LONGPHU1 ngày 28/02/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	09 tháng Đã quá hạn thanh toán	8.253.852.129	Thanh toán chi phí dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng cho vay tăng lần số 17881509/2017-HDCVTL/NHCT422-PHUTHO ngày 18/09/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 09 tháng Đã quá hạn thanh toán	23.052.752.766	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện gói thầu xây lắp trạm biến áp 220kv Phú Thọ	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bỉm Sơn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/295277/HETD ngày 28/12/2018	197.224.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	12 tháng Đã quá hạn thanh toán	183.375.052.148	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
Tổng cộng						1.622.401.622.731		

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

PHỤ LỤC 2 : VAY DÀI HẠN

Tham chiếu	Ngân hàng - Số hợp đồng	Tài sản thuế	Thời hạn thuế (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 31/12/2023 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000309/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	511.703.838	142.801.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000308/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	998.474.576	278.644.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000310/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	998.474.576	278.644.068
Tổng cộng					2.508.652.990	700.089.204



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY LẬP MÂY VIỆT NAM - CTCP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-52
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-52

11/2/2018

11
CỘT
TH
IG
A
N.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết lương dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc


_____

Bùi Đức Kiên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc nội dung sau:

Tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng", đến thời điểm phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán có phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5305-2020-002-1

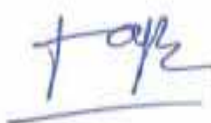
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.031.287.936.323	4.699.375.343.734
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.664.675.711.135	2.420.685.397.568
111	1. Tiền		1.232.390.817.800	1.074.400.504.233
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.432.284.893.335	1.346.284.893.335
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.156.259.702.218	1.766.387.677.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.643.309.251.371	1.302.897.792.360
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	918.808.543.215	840.668.399.421
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	363.315.331.444	369.258.814.323
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	446.334.204.635	423.577.186.706
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.215.507.628.447)	(1.170.014.515.207)
140	IV. Hàng tồn kho	10	141.725.126.990	456.983.657.781
141	1. Hàng tồn kho		141.725.126.990	456.983.657.781
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		68.627.395.980	55.318.610.782
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	873.798.648	1.043.145.172
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.817.509.558	14.382.097.237
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	36.936.087.774	39.893.368.373
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		665.083.202.776	747.904.308.346
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.742.000.000	8.742.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.742.000.000	8.742.000.000
220	II. Tài sản cố định		74.178.934.556	84.222.147.071
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	60.515.482.177	70.011.213.833
222	- Nguyên giá		427.126.874.817	425.780.689.111
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(366.611.392.640)	(355.769.475.278)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	2.945.208.652	3.613.254.026
225	- Nguyên giá		3.519.650.908	4.385.458.181
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(574.442.256)	(772.204.155)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	10.718.243.727	10.597.679.212
228	- Nguyên giá		12.465.728.212	12.335.728.212
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.747.484.485)	(1.738.049.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	15.425.491.074	17.730.647.226
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.702.472.446)	(39.397.316.294)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	30.749.483.207	39.634.571.709
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		30.749.483.207	39.634.571.709
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	463.674.924.967	538.448.577.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.498.345.589	96.904.048.828
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		271.222.251.568	271.222.251.568
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		248.959.582.264	248.959.582.264
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(106.005.254.454)	(78.637.305.601)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		72.312.368.972	59.126.365.281
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	70.002.128.972	56.816.125.281
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	2.310.240.000	2.310.240.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.696.371.139.099	5.447.279.652.080

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.745.500.921.879	4.540.488.110.919
310	I. Nợ ngắn hạn		4.647.866.924.851	4.475.336.214.051
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.862.229.433.608	2.044.056.889.053
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	448.835.046.981	864.874.336.366
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	872.745.731	324.226.051
314	4. Phải trả người lao động		76.473.745.704	29.046.583.663
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	763.888.228.902	575.680.905.087
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	743.341.460	809.218.733
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	160.278.012.673	160.884.057.136
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1.243.848.913.292	736.622.992.689
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	30.299.959.109	2.783.731.161
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		60.397.497.391	60.253.274.112
330	II. Nợ dài hạn		97.633.997.028	65.151.896.868
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	14.353.408.391	14.992.019.851
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	1.151.886.839	885.246.839
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	1.808.563.786	2.508.652.990
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	24	80.320.138.012	46.765.977.188
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		950.870.217.220	906.791.541.161
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	951.144.709.660	907.066.033.601
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		797.261.040.000	797.261.040.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		85.863.615.071	77.877.980.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.020.054.589	31.927.013.601
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.589.028.590	5.308.230.032
421b	LNST chưa phân phối năm nay		58.431.025.999	26.618.783.569
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(274.492.440)	(274.492.440)
431	1. Nguồn kinh phí		(274.492.440)	(274.492.440)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.696.371.139.099	5.447.279.652.080

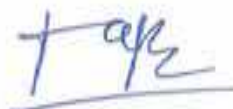

Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởngLê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	5.013.303.019.960	2.692.157.714.999
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.013.303.019.960	2.692.157.714.999
11	4. Giá vốn hàng bán	28	4.886.398.170.514	2.653.436.717.454
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		126.904.849.446	38.720.997.545
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	172.637.872.548	128.380.984.124
22	7. Chi phí tài chính	30	144.498.844.579	124.865.373.952
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		84.977.996.058	60.743.455.617
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	100.630.872.344	7.720.377.384
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		54.413.005.071	34.516.230.333
31	11. Thu nhập khác	32	4.298.358.390	137.171.717
32	12. Chi phí khác	33	95.378.747	2.619.531.898
40	13. Lợi nhuận khác		4.202.979.643	(2.482.360.181)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		58.615.984.714	32.033.870.152
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	184.958.715	5.415.086.583
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		58.431.025.999	26.618.783.569


Lợi Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởngLê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		58.615.984.714	32.033.870.152
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.326.329.159	15.977.473.061
03	- Các khoản dự phòng		133.931.450.865	40.407.084.365
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.972.157.775)	20.925.333.260
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(126.102.125.109)	(81.835.382.458)
06	- Chi phí lãi vay		84.977.996.058	60.743.455.617
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		162.777.477.912	88.251.833.997
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(417.547.865.522)	2.199.914.424.905
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		315.258.530.791	185.040.122.332
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(384.290.092.953)	(767.256.135.875)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(13.016.657.167)	(16.983.049.919)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(84.381.823.339)	(60.840.719.337)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.000.000.000)	(15.928.283.301)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.231.367.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.235.516.261)	(12.499.287.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(432.435.946.539)	1.602.930.272.802
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.977.960.492)	(4.355.562.406)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		591.875.166	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.943.482.879	7.846.855.447
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		47.405.703.239	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		118.100.289.838	65.804.604.483
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		169.063.390.630	69.295.897.524
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.582.868.986.487	1.685.484.810.363
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.075.533.261.084)	(2.075.373.208.226)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(809.894.004)	(1.974.801.706)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.956.664.650)	(7.948.860.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		498.569.166.749	(399.812.059.969)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		235.196.610.840	1.272.414.110.357
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.420.685.397.568	1.156.786.185.220
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.793.702.727	(8.514.898.009)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.664.675.711.135</u>	<u>2.420.685.397.568</u>

Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2023

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 797.261.040.000 VND; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 1.622 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 756 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;
- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- Hoạt động chính của Tổng công ty là thi công và xây lắp các công trình;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của Tổng công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2023, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu tại dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3&4, dự án Hydrogen xanh NEOM (Á Rập Xê Út) và dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2 tăng mạnh do các dự án này hiện đang thực hiện đến các mốc quan trọng, khối lượng nghiệm thu lớn. Tốc độ tăng của doanh thu cao hơn tốc độ tăng của giá vốn khiến cho lợi nhuận năm nay tăng đột biến so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC,

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 60 tháng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí hoạt động của Tổng Công ty ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.23 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng: Được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phân ánh trên hoá đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	707.494.006	171.558.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.231.683.323.794	1.074.228.945.622
Các khoản tương đương tiền (*)	1.432.284.893.335	1.346.284.893.335
	2.664.675.711.135	2.420.685.397.568

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 1.432.284.893.335 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Mã Chứng khoản	31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Đầu tư vào Công ty con					
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD		49.498.345.589	(24.390.802.037)	96.904.048.828	(18.569.803.163)
- Công ty Cổ phần Lilama 5	LO5	16.930.636.761	-	64.336.340.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 7	LM7	9.180.000.000	(9.180.000.000)	9.180.000.000	(9.180.000.000)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	L35	7.905.000.000	(7.905.000.000)	7.905.000.000	(6.727.749.842)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT		8.492.667.900	(4.652.817.222)	8.492.667.900	(137.446.242)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		6.990.040.928	(2.652.984.815)	6.990.040.928	(2.524.607.079)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	L45	271.222.251.568	(57.488.060.437)	271.222.251.568	(35.947.903.465)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	L43	18.908.271.421	(18.050.187.788)	18.908.271.421	(14.967.213.098)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	L44	7.002.100.000	-	7.002.100.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama		5.188.680.200	(5.188.680.200)	5.188.680.200	(5.188.680.200)
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	LCD	29.697.241.118	-	29.697.241.118	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama		3.907.800.000	-	3.907.800.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 10	L10	1.100.135.974	(151.701.886)	1.100.135.974	(147.611.386)
- Công ty Cổ phần Lilama 18	LM8	52.111.309.091	-	52.111.309.091	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	L61	86.688.820.750	-	86.688.820.750	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	L63	28.832.055.556	(18.661.575.358)	28.832.055.556	-
Đầu tư vào đơn vị khác		37.785.837.458	(15.435.915.205)	37.785.837.458	(15.644.398.781)
- Công ty Cổ phần Chế tạo Gian khoan Dầu khí		248.959.582.264	(24.126.391.980)	248.959.582.264	(24.119.598.973)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na		2.165.892.592	(31.372.172)	2.165.892.592	(33.884.148)
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	HNA	85.696.088.606	-	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần BV Invest		16.169.971.505	(4.295.983.105)	16.169.971.505	(2.237.866.330)
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama		86.548.866.279	-	86.548.866.279	(2.048.811.792)
		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		569.680.179.421	(106.005.254.454)	617.085.882.660	(78.637.305.601)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Các giao dịch phát sinh với Công ty con, Công ty liên kết xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên sàn chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023 của các công ty này.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 5	Tỉnh Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 7	TP. Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Tỉnh Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	TP. Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTPC

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Tỉnh Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Tỉnh Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	TP. Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thi nghiệm Cơ điện	TP. Hà Nội	36,18%	36,18%	Thi nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	TP. Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Lilama 10	TP. Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 18	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Tỉnh Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Tỉnh Hải Dương	36,00%	36,00%	Xây lắp

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Gian khoan Dầu khí	TP. Vũng Tàu	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	TP. Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Tỉnh Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sóng Thao	Tỉnh Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Tỉnh Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần BV Invest	TP. Hà Nội	15,25%	15,25%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Tỉnh Quảng Ngãi	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	22.073.735.032	(7.764.349.394)	22.503.405.297	(3.511.976.958)
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	1.259.276.632	-	1.222.454.150	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	4.373.522.112	(4.252.372.436)	4.357.416.443	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	154.372.366	-	146.971.985	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.511.976.958	(3.511.976.958)	3.511.976.958	(3.511.976.958)
Công ty Cổ phần Lilama 10	1.762.731.363	-	1.654.942.267	-
Công ty Cổ phần Lilama 18	233.079.355	-	1.888.136.967	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	770.688	-	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 5	10.744.279	-	313.954.500	-
Công ty Cổ phần Lilama 7	301.139.585	-	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	9.924.889.963	-	8.908.977.389	-
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	38.880.000	-	78.600.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	502.351.731	-	419.974.638	-

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	1.621.235.516.339	(360.217.789.425)	1.280.394.387.063	(393.287.822.172)
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	422.733.086.590	-	163.490.754.225	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 - PVC	290.589.445.393	(192.799.625.046)	367.344.135.007	(271.604.863.316)
- Doosan Heavy Industries Vietnam Co Ltd- Nghi Sơn 2	-	-	144.038.249.082	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	37.967.361.316	(25.904.312.456)	50.967.361.316	(25.003.080.326)
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	61.298.055.187	(61.298.055.187)	66.510.764.847	(66.510.764.847)
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban QLDA Điện	321.825.393.604	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.000.402.901	(39.000.402.901)	39.000.402.901	-
- Thủ chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm Nhà máy thuộc DA Nhiệt điện BOT Văn Phong 1	110.121.378.497	-	104.026.370.668	-
- Phải thu khách hàng khác	337.700.392.851	(41.215.393.835)	345.016.349.017	(30.169.113.683)
	<u>1.643.309.251.371</u>	<u>(367.982.138.819)</u>	<u>1.302.897.792.360</u>	<u>(396.799.799.130)</u>

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	106.026.961.354	(29.631.019.786)	51.583.794.060	(3.935.088.816)
CTCP Lilama 45.1	29.888.980.436	(21.951.655.974)	38.742.982.119	-
CTCP Lilama 45.3	1.409.793.614	-	1.409.793.614	-
CTCP Lilama 45.4	11.431.018.327	(7.679.363.812)	11.431.018.327	(3.935.088.816)
CTCP Lilama 10	63.297.168.977	-	-	-
Bên khác	812.781.581.861	(91.255.399.262)	789.084.605.361	(86.638.003.783)
Tổng Công ty xây dựng Bạch Đặng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.716.011.731	-	46.716.011.731	-
Trả trước cho người bán khác	312.312.982.389	(91.255.399.262)	288.616.005.889	(86.638.003.783)
	918.808.543.215	(120.886.419.048)	840.668.399.421	(90.573.092.599)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	121.695.323.551	(121.695.323.551)	127.638.806.430	(127.638.806.430)
- Công ty CP Lilama 45.1	96.071.045.096	(96.071.045.096)	102.014.527.975	(102.014.527.975)
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	(25.624.278.455)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
Bên khác	241.620.007.893	(241.620.007.893)	241.620.007.893	(241.620.007.893)
- Công ty CP Lisemco	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty CP Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	363.315.331.444	(363.315.331.444)	369.258.814.323	(369.258.814.323)

Bao gồm các khoản cho các đối tác vay từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.061.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay ⁽¹⁾	271.282.346.834	(267.516.522.029)	261.917.298.227	(256.142.857.109)
- Tạm ứng	20.632.668.289	-	19.071.855.720	-
- Ký cược, ký quỹ	26.000.000	-	26.000.000	-
- Phải thu tiền nộp cấp quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư ⁽²⁾	38.537.593.013	(38.537.593.013)	42.872.855.944	-
- Liên danh PECOM-LILAMA (Trạm Kim Xá) ⁽³⁾	10.977.541.421	-	1.803.629.070	-
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Phải thu khác	84.828.745.198	(54.137.635.894)	84.766.237.865	(54.107.963.846)
	<u>446.334.204.635</u>	<u>(363.323.739.136)</u>	<u>423.577.186.706</u>	<u>(313.382.809.155)</u>

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

a.2) Chi tiết theo đối tượng

Bên liên quan	85.109.952.121	(85.093.476.141)	73.774.317.271	(73.719.811.221)
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	-	-	23.081.870	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Công ty CP Lilama 45.1	67.939.236.516	(67.939.236.516)	58.951.191.922	(58.951.191.922)
- Công ty CP Lilama 45.3	14.022.251.425	(14.022.251.425)	11.636.631.099	(11.636.631.099)
- Công ty CP Lilama 5	11.171.780	-	11.171.780	-
- Công ty CP Lilama 10	-	-	4.822.000	-
- Công ty CP Lilama 18	-	-	10.126.200	-
- Công ty CP Lilama 69.1	5.304.200	-	5.304.200	-
Bên khác	361.224.252.514	(278.230.262.995)	349.802.869.435	(239.662.997.934)
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	(75.897.140.431)	75.867.468.383	(75.867.468.383)
- Công ty CP LISEMCO	144.066.231.662	(144.066.231.662)	144.066.231.662	(144.066.231.662)
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	8.330.407.947	(8.330.407.947)	8.330.407.947	(8.330.407.947)
- Các đối tượng khác	123.172.822.842	(49.936.482.955)	111.751.439.763	(11.398.889.942)
	446.334.204.635	(363.323.739.136)	423.577.186.706	(313.382.809.155)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.742.000.000	-	8.742.000.000	-
	8.742.000.000	-	8.742.000.000	-

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay chủ yếu của các khoản cho vay của các đối tác được trình bày tại thuyết minh số 07- Phải thu về cho vay ngắn hạn và đã trích lập dự phòng đầy đủ. (Chi tiết tại thuyết minh số 9 - Nợ xấu)

(2) Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

(3) Đây là số tiền Tổng Công ty được phép giải ngân từ tài khoản thanh toán chung (chuyên chi) của Liên danh Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu ("PECOM"- thành viên đứng đầu liên danh) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An được sử dụng để nhận thanh toán từ Chủ đầu tư và thanh toán cho các nhà thầu phụ/chỉ phí của từng thành viên của liên danh trong cho việc thực hiện gói thầu CW03: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị, xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm Kim Xá và công trình phụ trợ".

(4) Khoản tiền Thuế nhập khẩu Tổng Công ty đứng ra trả thay cho Nhà thầu liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I, khi quyết toán với Nhà thầu sẽ bù trừ số tiền này với số tiền Tổng Công ty phải trả.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng				
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	290.589.445.393	97.789.820.347	367.344.135.007	95.739.271.691
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	61.298.055.187	-	66.510.764.847	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	14.597.651.580	-	15.097.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	9.043.466.795	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	37.967.361.316	12.063.048.860	50.967.361.316	25.964.280.990
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.000.402.901	-	39.000.402.901	39.000.402.901
- Các khoản khác	26.940.702.337	1.602.077.483	9.539.972.266	-
b. Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	96.071.045.096	-	102.014.527.975	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	25.624.278.455	-	25.624.278.455	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
c. Phải thu ngắn hạn khác				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.128.889.942	-	11.128.889.942	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.897.140.431	-	75.867.468.383	-
- Công ty CP Lilama 45.1	67.939.236.516	-	58.951.191.922	-
- Công ty CP Lilama 45.3	14.022.251.425	-	11.636.631.099	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các khoản khác	47.138.000.960	-	8.600.407.947	-
d. Ứng trước cho người bán				
- Công ty Cổ phần Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	22.343.291.198	5.164.766.049	22.343.291.198	5.038.240.331
- Các khoản khác	54.392.977.659	17.583.519.269	8.342.068.094	1.972.461.871
	<u>1.349.710.860.455</u>	<u>134.203.232.008</u>	<u>1.337.729.172.991</u>	<u>167.714.657.784</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.514.663.225	-	1.375.636.487	-
Công cụ, dụng cụ	4.081.393.717	-	14.125.949.442	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	130.523.613.220	-	435.876.615.024	-
Hàng hoá	5.605.456.828	-	5.605.456.828	-
	141.725.126.990	-	456.983.657.781	-

(*) Chi tiết các dự án dở dang:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	12.334.628.610	12.334.628.610
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	28.609.889.772	306.104.094.598
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	23.432.339.000	-
- Trạm cắt 220KV Đăk Oae và các đường dây 220KV đấu nối	18.353.737.259	10.707.031.000
- Nhà máy Hydrogen NEOM	39.440.097.127	-
- Nhà máy Hóa dầu Long Sơn	-	57.475.030.280
- Nhà máy Nhiệt điện Văn Phong 1	-	24.217.628.855
- Trạm biến áp 220KV Yên Thủy	-	10.969.611.874
- Các công trình khác	8.352.921.452	14.068.589.807
	130.523.613.220	435.876.615.024

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (*)	30.749.483.207	35.609.189.360
- Dự án khu văn phòng Tổng Công ty tại đường vành đai 3 (*)	-	4.025.382.349
	30.749.483.207	39.634.571.709

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 192/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương sẽ hoàn trả lại 02 dự án trên, đối với các chi phí đã bỏ ra, Tổng Công ty sẽ làm việc với UBND Thành phố Hà Nội và UBND Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị được hoàn trả lại.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	87.582.752.216	14.258.403.905	310.771.214.346	7.364.597.925	5.803.720.719	425.780.689.111
- Mua trong năm	-	2.378.985.292	-	122.400.000	342.000.000	2.843.385.292
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	870.382.473	-	-	870.382.473
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.358.582.454)	(380.438.968)	(628.560.637)	(2.367.582.059)
Số dư cuối năm	87.582.752.216	16.637.389.197	310.283.014.365	7.106.558.957	5.517.160.082	427.126.874.817
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (Đã điều chỉnh)	49.138.785.408	11.176.284.581	283.605.506.382	6.706.906.300	5.141.992.607	355.769.475.278
- Khấu hao trong năm	3.027.751.241	1.325.607.890	7.553.653.571	201.602.491	379.378.168	12.487.993.361
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	721.506.060	-	-	721.506.060
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.358.582.454)	(380.438.968)	(628.560.637)	(2.367.582.059)
Số dư cuối năm	52.166.536.649	12.501.892.471	290.522.083.559	6.528.069.823	4.892.810.138	366.611.392.640
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	38.443.966.808	3.082.119.324	27.165.707.964	657.691.625	661.728.112	70.011.213.833
Tại ngày cuối năm	35.416.215.567	4.135.496.726	19.760.930.806	578.489.134	624.349.944	60.515.482.177

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 291.883.544.544 VND.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.385.458.181
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(865.807.273)
Số dư cuối năm	<u>3.519.650.908</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	772.204.155
- Trích khấu hao	523.744.161
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(721.506.060)
Số dư cuối năm	<u>574.442.256</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	3.613.254.026
Tại ngày cuối năm	<u>2.945.208.652</u>

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.597.679.212	1.738.049.000	12.335.728.212
- Mua trong năm	-	130.000.000	130.000.000
Số dư cuối năm	<u>10.597.679.212</u>	<u>1.868.049.000</u>	<u>12.465.728.212</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.738.049.000	1.738.049.000
- Khấu hao trong năm	-	9.435.485	9.435.485
Số dư cuối năm	-	<u>1.747.484.485</u>	<u>1.747.484.485</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>10.597.679.212</u>	-	<u>10.597.679.212</u>
Tại ngày cuối năm	<u>10.597.679.212</u>	<u>120.564.515</u>	<u>10.718.243.727</u>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.738.049.000 VND.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 VND, khấu hao lũy kế tính đến ngày 31/12/2023 là 41.702.472.446 VND, khấu hao trong năm là 2.305.156.152 VND, giá trị còn lại của tài sản là 15.425.491.074 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên số tại ngày kết thúc năm tài chính.

16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	207.739.546	411.763.662
Chi phí trả trước dự án điện Vũng Áng 2	371.740.932	26.663.091
Chi phí trả trước dự án điện Văn Phong I	37.500.000	49.553.293
Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	227.410.838	197.125.000
Chi phí trả trước dự án điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	29.407.332	201.041.275
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	156.998.851
	873.798.648	1.043.145.172
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước cho thuê cầu	3.426.623.052	2.182.804.934
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	1.580.462.535	1.947.279.568
Chi phí trả trước tại dự án Bắc Ninh	-	379.655.771
Chênh lệch xác định lại giá trị doanh nghiệp	-	2.406.496.155
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Văn Phong I	-	7.262.834.878
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	23.151.842.788	2.599.296.272
Chi phí trả trước dự án điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	26.603.381.650	36.386.734.528
Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	15.239.818.947	3.651.023.175
	70.002.128.972	56.816.125.281

TÔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCF

 Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
 thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	375.770.204.764	375.770.204.764	506.686.058.995	506.686.058.995
- Công ty CP Lilama 5	37.929.876.634	37.929.876.634	30.457.223.548	30.457.223.548
- Công ty CP Lilama 7	5.511.700.254	5.511.700.254	11.305.164.577	11.305.164.577
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	12.748.804.103	12.748.804.103	13.013.883.794	13.013.883.794
- Công ty CP Cơ khí Lập máy Lilama	18.568.944.572	18.568.944.572	24.098.713.803	24.098.713.803
- Công ty CP Tư vấn Quốc tế LHT	2.239.717.678	2.239.717.678	1.979.112.215	1.979.112.215
- Công ty CP Lập máy - Thí nghiệm Cơ điện	18.430.749.357	18.430.749.357	21.310.654.063	21.310.654.063
- Công ty CP Lilama 10	-	-	131.332.077.316	131.332.077.316
- Công ty CP Lilama 18	257.695.938.037	257.695.938.037	238.291.552.313	238.291.552.313
- Công ty CP Lilama 69.1	4.653.860.379	4.653.860.379	15.647.903.182	15.647.903.182
- Công ty CP Lilama 69.3	17.990.613.750	17.990.613.750	19.249.774.184	19.249.774.184
Bên khác	1.486.459.228.844	1.486.459.228.844	1.537.370.830.058	1.537.370.830.058
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	24.133.521.208	24.133.521.208	135.740.996.273	135.740.996.273
- Babcock & Wilcox Beijing Co., Ltd	54.405.663.756	54.405.663.756	176.872.247.506	176.872.247.506
- Liên doanh Tập đoàn TOSHIBA và Tập đoàn SOJITZ	208.195.256.398	208.195.256.398	202.124.528.961	202.124.528.961
- Công ty CP xây lập đường ống Bể chứa Dầu khí	74.894.136.386	74.894.136.386	89.709.694.671	89.709.694.671
- Viện nghiên cứu cơ khí (NARIME)	8.949.152.998	8.949.152.998	80.831.056.359	80.831.056.359
- Công ty Cổ phần FECON	105.091.636.335	105.091.636.335	82.380.113.607	82.380.113.607
- Phải trả nhà cung cấp khác	1.010.789.861.763	1.010.789.861.763	769.712.192.681	769.712.192.681
	1.862.229.433.608	1.862.229.433.608	2.044.056.889.053	2.044.056.889.053

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	19.759.092.780	318.796.134	66.010.129.558	57.941.360.344	11.801.842.181	430.314.749
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	5.315.923.526	5.315.923.526	1.743.892.812	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.390.338.013	-	184.958.715	5.000.000.000	23.390.338.013	184.958.715
Thuế Thu nhập cá nhân	-	5.429.917	3.250.005.056	2.997.962.706	-	257.472.267
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	6.961.732.486	6.961.732.486	-	-
Các loại thuế khác	44.768	-	5.030.000	5.000.000	14.768	-
	39.893.368.373	324.226.051	81.727.779.341	78.221.979.062	36.936.087.774	872.745.731

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam - Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	42.584.943.839	64.455.110.000
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Ban Quản lý Dự án điện	-	435.843.255.500
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.777.498.144	40.777.498.144
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.581.801.966	16.072.639.158
Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA (*)	333.700.913.614	209.573.986.178
Các đối tượng khác	30.189.889.418	98.151.847.386
	448.835.046.981	864.874.336.366

(*) Khoản tạm ứng của Nhà thầu chính là Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng số 32017394 ngày 07 tháng 11 năm 2022 liên quan đến dự án gia công chế tạo và tổ hợp các thiết bị điện phân cho Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh tại Ả Rập Xê-út ("Kingdom of Saudi Arabia").

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.465.616.252	869.443.533
- Dự án Nhiệt điện Văn Phong 1	118.142.736.992	193.880.814.520
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	108.832.877.647	108.832.877.647
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	60.685.590.502	53.426.357.721
- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2	934.960.469	45.688.891.108
- Dự án Nhiệt điện Long Phú 1	7.937.324.462	7.937.324.462
- Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	-	79.465.294.966
- Dự án Nhiệt điện Barth Ấn Độ	9.347.532.525	9.347.532.525
- Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4	238.174.855.809	-
- Dự án Hydrogen Neom	149.798.432.406	-
- Chi phí phải trả khác	68.568.301.838	76.232.368.605
	763.888.228.902	575.680.905.087

Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan

- Công ty Cổ phần Lilama 5	7.726.222.812	14.399.379.561
- Công ty Cổ phần Lilama 7	-	8.447.323.463
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	87.194.617	120.405.934
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	7.937.324.462	7.937.324.462
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.666.113.245	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	2.816.694.046	1.916.088.883
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	1.644.832.300	1.108.699.516
- Công ty Cổ phần Lilama 10	164.164.075.938	103.137.022.255
- Công ty Cổ phần Lilama 18	22.582.289.608	38.521.388.644
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	66.220.625.520	39.342.330.163
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	1.928.811.474	6.562.714.228
	276.774.184.022	221.492.677.109

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	104.730.000	170.607.273
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	638.611.460	638.611.460
	743.341.460	809.218.733
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	14.353.408.391	14.992.019.851
	14.353.408.391	14.992.019.851

22 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.235.831.400	1.260.886.270
- Bảo hiểm xã hội	803.598.346	918.758.142
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	3.821.925.981
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.100.000	124.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	248.299.125	232.353.375
- Doosan Heavy Industries & Construction Co.,Ltd	1.278.881.277	1.084.365.940
- Hamon Research-Cottrell GmbH ^(*)	150.793.359.500	146.396.403.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.593.943.025	7.045.263.928
	160.278.012.673	160.884.057.136
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.151.886.839	885.246.839
	1.151.886.839	885.246.839
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 5	22.297.430	6.716.283
- Công ty Cổ phần Lilama 7	67.109.784	41.851.488
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	147.064.736	100.819.064
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	13.403.520	23.009.415
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	57.018.632	57.018.632
- Công ty Cổ phần Lilama 10	65.654.264	34.435.674
- Công ty Cổ phần Lilama 18	292.943.574	191.216.979
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	77.688.672	21.379.488
	743.180.612	476.447.023

(*) Khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ký kết với nhà thầu Hamon Research-Cottrell GmbH (Hamon) theo các gói thầu M05-FGD và M06-BSP với tổng số tiền 6.175.500 USD thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do chưa xác định được đầy đủ nghĩa vụ phải trả cũng như các chi phí có thể phát sinh liên quan đến Hamon, chủ đầu tư và các bên liên quan khác nên Tổng công ty chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Tổng Công ty đang theo dõi sát sao tình hình thực hiện thủ tục pháp sản, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của Hamon để có các phương án giải quyết phù hợp.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

23 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I ⁽¹⁾	735.813.098.685	735.813.098.685	3.582.868.986.487	3.075.533.261.084	1.243.148.824.088	1.243.148.824.088
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I ⁽¹⁾	537.529.596.413	537.529.596.413	2.841.233.622.844	2.361.505.311.295	1.017.257.907.962	1.017.257.907.962
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	3.179.954.041	3.179.954.041	41.628.277.982	44.808.232.023	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long ⁽²⁾	195.103.548.231	195.103.548.231	597.934.854.066	572.928.893.453	220.109.508.844	220.109.508.844
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽²⁾	-	-	102.072.231.595	96.290.824.313	5.781.407.282	5.781.407.282
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	809.894.004	809.894.004	700.089.204	809.894.004	700.089.204	700.089.204
- Công ty CTTC TNHH BIDV-SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁴⁾	809.894.004	809.894.004	700.089.204	809.894.004	700.089.204	700.089.204
	736.622.992.689	736.622.992.689	3.583.569.075.691	3.076.343.155.088	1.243.848.913.292	1.243.848.913.292
b) Vay dài hạn						
- Công ty CTTC TNHH BIDV-SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁴⁾	3.318.546.994	3.318.546.994	-	809.894.004	2.508.652.990	2.508.652.990
	3.318.546.994	3.318.546.994	-	809.894.004	2.508.652.990	2.508.652.990
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(809.894.004)	(809.894.004)	(700.089.204)	(809.894.004)	(700.089.204)	(700.089.204)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2.508.652.990	2.508.652.990	-	1.808.563.786	1.808.563.786	1.808.563.786

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I chi tiết sau:

(1.1) Hợp đồng cấp tín dụng số 02/2022/518/HĐTDHM ngày 21/03/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 4.200.000.000.000 VND; Trong đó, dư nợ vay ngắn hạn, dư L/C, dư bảo lãnh thanh toán gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi tối đa là 2.700.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đối với Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 29/05/2026;
- + Lãi suất cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 885.194.122.476 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(1.2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2023/518/HĐTDHM ngày 30/03/2023 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 2.600.000.000.000 VND; Trong đó, dư nợ vay ngắn hạn, dư L/C, dư bảo lãnh thanh toán gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi tối đa là 1.200.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp; không bao gồm việc cấp tín dụng cho Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 29/03/2024;
- + Lãi suất cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 132.063.785.486 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(2) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long chi tiết như sau:

(2.1) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 110/2023/HĐTD/PHG ngày 16/05/2023, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 1.300.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 111.433.090.922 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.

(2.2) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 112/2023/HĐTD/PHG ngày 16/05/2023, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 600.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 108.676.417.922 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(3) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An chi tiết như sau:

(3.1) Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320- LILAMA44 ngày 02/02/2023, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 280.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công lắp dựng BOP Equipment, Piping & Field Tank thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 26/10/2025;
- + Lãi suất cho vay: được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.524.461.061 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, công ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(3.2) Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320- LILAMA43 ngày 02/02/2023, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 260.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công lắp dựng ESP, FGD & CHS, AHS thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 26/10/2025;
- + Lãi suất cho vay: được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.256.946.221 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, công ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(4) Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội chi tiết như sau:

(4.1) Hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000309/HĐCTTC ngày 11/08/2022 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Loại tài sản: xe ô tô;
- + Tổng giá trị nợ gốc: 680.000.000 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6%/năm và biên độ là 2,9%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 511.703.838 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 142.801.068 VND.

(4.2) Hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000308/HĐCTTC ngày 11/08/2022 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Loại tài sản: xe ô tô;
- + Tổng giá trị nợ gốc: 1.370.000.000 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6%/năm và biên độ là 2,9%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 998.474.576 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 278.644.068 VND.

(4.3) Hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000310/HĐCTTC ngày 11/08/2022 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Loại tài sản: xe ô tô;
- + Tổng giá trị nợ gốc: 1.370.000.000 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6%/năm và biên độ là 2,9%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 998.474.576 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 278.644.068 VND.

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	30.299.959.109	2.783.731.161
	<u>30.299.959.109</u>	<u>2.783.731.161</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	80.320.138.012	46.765.977.188
	<u>80.320.138.012</u>	<u>46.765.977.188</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	797.261.040.000		76.221.970.000		17.267.850.432		890.750.860.432
Lãi trong năm trước	-		-		26.618.783.569		26.618.783.569
Phân phối lợi nhuận	-		1.656.010.000		(11.959.620.400)		(10.303.610.400)
Số dư cuối năm trước	797.261.040.000		77.877.980.000		31.927.013.601		907.066.033.601
Số dư đầu năm nay	797.261.040.000		77.877.980.000		31.927.013.601		907.066.033.601
Lãi trong năm nay	-		-		58.431.025.999		58.431.025.999
Phân phối lợi nhuận	-		7.985.635.071		(22.337.985.011)		(14.352.349.940)
Số dư cuối năm nay	797.261.040.000		85.863.615.071		68.020.054.589		951.144.709.660

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 167/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7.985.635.071
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.379.739.540
Chi trả cổ tức (bằng 1% vốn điều lệ)	7.972.610.400

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bộ Xây dựng	97,88	780.324.040.000	97,88	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12	16.937.000.000	2,12	16.937.000.000
	100	797.261.040.000	100	797.261.040.000

e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	232.353.375	208.603.375
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	7.972.610.400	7.972.610.400
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	7.972.610.400	7.972.610.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả hằng tiền</i>	(7.956.664.650)	(7.948.860.400)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(7.956.664.650)	(7.948.860.400)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	248.299.125	232.353.375

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	85.863.615.071	77.877.980.000
	85.863.615.071	77.877.980.000

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tăng thêm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công các dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	39.296.366,78	40.364.786,65
- Đồng Euro (EUR)	1.105.176,66	217.915,13

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	4.960.207.412.648	2.593.802.262.819
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.095.607.312	77.252.078.180
Doanh thu bán hàng hóa	-	5.110.194.000
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	-	15.993.180.000
	5.013.303.019.960	2.692.157.714.999
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	35.983.303.501	51.252.844.982

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	4.817.729.352.308	2.558.857.088.366
Giá vốn cung cấp dịch vụ	68.668.818.206	76.471.552.672
Giá vốn bán hàng hóa	-	5.110.194.000
Giá vốn bán hàng hóa bất động sản	-	12.997.882.416
	4.886.398.170.514	2.653.436.717.454
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	1.397.108.337.464	1.022.539.658.979

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	68.806.200.770	46.766.906.458
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.589.137.675	35.068.476.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	34.270.376.328	46.273.036.996
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.972.157.775	-
Lãi trả chậm	-	272.564.670
	172.637.872.548	128.380.984.124
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	56.952.762.095	43.604.736.531

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	84.977.996.058	60.743.455.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.493.123.096	876.194.693
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	20.925.333.260
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	27.367.948.853	30.190.474.410
Dự phòng lãi vay khó đòi	11.373.664.920	12.001.260.531
Chi phí tài chính khác	286.111.652	128.655.441
	144.498.844.579	124.865.373.952

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	282.458.950	392.152.849
Chi phí nhân công	38.405.728.295	35.423.776.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.626.757.530	4.602.996.132
Thuế, phí, lệ phí	3.593.582.434	1.660.858.487
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	34.119.448.320	(48.550.627.764)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.786.585.534	7.619.544.177
Chi phí khác bằng tiền	12.816.311.281	6.571.676.931
	100.630.872.344	7.720.377.384
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	196.363.636	510.303.030

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	591.875.166	-
Thu nhập khắc phục sự cố của nhà thầu phụ	831.529.976	92.000.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.783.731.161	-
Thu nhập khác	91.222.087	45.171.717
	4.298.358.390	137.171.717
Trong đó: Thu từ bên liên quan bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	5.938.000	56.000.000

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	71.189.521	2.616.270.194
Chi phí khác	24.189.226	3.261.704
	95.378.747	2.619.531.898

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.691.191.140	29.253.461.897
Các khoản điều chỉnh tăng	243.345.021	2.619.531.898
- Chi phí không hợp lệ	243.345.021	2.619.531.898
Các khoản điều chỉnh giảm	(95.691.205.337)	(69.916.036.570)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(65.589.137.675)	(35.068.476.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(24.737.541.054)	(34.847.560.570)
- Kết chuyển chi phí lãi vay không được trừ theo ND 132/2020/ND-CP các năm trước sang kỳ tính thuế 2023	(5.364.526.608)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(37.756.669.176)	(38.043.042.775)
Chi phí thuế TNDN hiện hành của HĐKD chính (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	4.859.004.932
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(18.105.772.643)	(7.964.777.575)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.000.000.000)	(15.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD chính	(23.105.772.643)	(18.105.772.643)
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	924.793.574	2.780.408.255
Thu nhập tính thuế TNDN	924.793.574	2.780.408.255
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	184.958.715	556.081.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(284.565.370)	87.636.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(928.283.301)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	(99.606.655)	(284.565.370)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	184.958.715	5.415.086.583
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(23.205.379.298)	(18.390.338.013)

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (dự phòng khoản đầu tư)	2.310.240.000	2.310.240.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.310.240.000	2.310.240.000

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.998.125.107	57.459.056.251
Chi phí nhân công	304.162.631.786	152.227.452.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.326.329.159	15.977.473.061
Trích lập dự phòng (Hoàn nhập dự phòng)	34.119.448.320	(48.550.627.764)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.818.440.763	156.258.756.721
Chi phí thuê thầu phụ	3.948.929.568.491	2.059.485.342.466
Chi phí khác bằng tiền	91.189.408.678	66.161.113.648
	4.681.543.952.304	2.459.018.566.937

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất,

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.663.968.217.129	-	-	2.663.968.217.129
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.358.337.578.051	8.742.000.000	-	1.367.079.578.051
	4.022.305.795.180	8.742.000.000	-	4.031.047.795.180
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.420.513.838.957	-	-	2.420.513.838.957
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.016.292.370.781	8.742.000.000	-	1.025.034.370.781
	3.436.806.209.738	8.742.000.000	-	3.445.548.209.738

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	1.243.848.913.292	1.808.563.786	-	1.245.657.477.078
Phải trả người bán, phải trả khác	2.022.507.446.281	1.151.886.839	-	2.023.659.333.120
Chi phí phải trả	763.888.228.902	-	-	763.888.228.902
	<u>4.030.244.588.475</u>	<u>2.960.450.625</u>	<u>-</u>	<u>4.033.205.039.100</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	736.622.992.689	2.508.652.990	-	739.131.645.679
Phải trả người bán, phải trả khác	2.204.940.946.189	885.246.839	-	2.205.826.193.028
Chi phí phải trả	575.680.905.087	-	-	575.680.905.087
	<u>3.517.244.843.965</u>	<u>3.393.899.829</u>	<u>-</u>	<u>3.520.638.743.794</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024 đã thông qua "Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021 - 2025" với một số nội dung như sau:

- Thực hiện thoái giám vốn nhà nước về 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2024- 2025 theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 và Quyết định số 382/QĐ-BXD ngày 11/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2022 - 2025;
- Về chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng công ty lên 1.500 tỷ VND: thực hiện theo quy định tại Khoản 20 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan. Việc tăng vốn điều lệ của Tổng công ty chỉ được thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định;
- Tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, duy trì tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng công ty đến 36% vốn điều lệ tại 02 công ty: Công ty cổ phần LILAMA 10 và Công ty cổ phần LILAMA 18;
- Tiếp tục duy trì hoặc chuyển nhượng/ giải thể để thu hồi vốn đối với Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD (Lilama Sea);
- Thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại 19 công ty con, công ty liên kết, đầu tư tài chính khác.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.005.291.543.095	8.011.476.865	5.013.303.019.960
Tài sản bộ phận	5.679.440.502.338	16.930.636.761	5.696.371.139.099
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.973.385.292	-	2.973.385.292

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 7	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty	Điều hành Tổng Công ty

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	35.983.303.501	51.252.844.982
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	8.011.476.865	6.339.620.217
Công ty Cổ phần Lilama 5	78.556.402	216.363.468
Công ty Cổ phần Lilama 7	750.038.461	17.493.442
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	1.096.625.430	500.572.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	-	3.057.776
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	14.912.656	9.690.584
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	6.852.205	7.045.337
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	164.305.600	164.234.240
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	413.290.434	115.790.654
Công ty Cổ phần Lilama 10	1.814.624.692	3.158.612.652
Công ty Cổ phần Lilama 18	19.257.490.940	17.746.005.577
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	3.442.356.704	16.968.108.529
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	932.773.112	6.006.249.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp	196.363.636	510.303.030
Công ty Cổ phần Lilama 18	196.363.636	196.363.636
Công ty Cổ phần Lilama 10	-	313.939.394
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.397.108.337.464	1.022.539.658.979
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	-	8.955.883.391
Công ty Cổ phần Lilama 5	44.608.555.368	38.329.249.578
Công ty Cổ phần Lilama 7	24.357.103.306	10.922.527.736
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	25.668.011.868	22.364.536.883
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	1.052.291.566	10.194.127.637
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	17.597.844.562	6.991.922.983
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	25.271.269.078	21.668.748.728
Công ty Cổ phần Lilama 10	322.327.335.953	231.233.573.380
Công ty Cổ phần Lilama 18	899.734.712.091	535.622.220.367
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	26.111.688.672	132.121.455.927
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	10.379.525.000	4.135.412.369
Cổ tức được chia	45.579.097.175	31.603.476.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.560.400.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	3.379.925.000	3.041.932.500
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	38.638.772.175	25.001.143.500
Lãi cho vay, lãi trả chậm	11.373.664.920	12.001.260.531
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	8.988.044.594	9.615.640.205
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.385.620.326	2.385.620.326
Thu nhập khác từ phạt sự cố các Nhà thầu phụ	5.938.000	56.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	5.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	-	15.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	-	14.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 5	938.000	2.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

<u>Thu nhập của Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	585.600.000	516.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	259.800.000	84.000.000

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

<u>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	628.800.000	564.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	519.600.000	468.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	435.600.000	384.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	519.600.000	468.000.000
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/07/2022)	435.600.000	330.640.000
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 01/05/2022)	-	128.000.000

<u>Thu nhập của Ban Kiểm soát</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	409.200.000	360.000.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

41 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 căn cứ theo kết luận Thanh tra Chính phủ về việc xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
Bảng Cân đối kế toán riêng					
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(356.984.905.104)	(355.769.475.278)	1.215.429.826	(1)
Chi phí trả trước dài hạn	261	54.409.629.126	56.816.125.281	2.406.496.155	(2)
Phải trả ngắn hạn khác	319	157.262.131.155	160.884.057.136	3.621.925.981	(3)

- (1) Điều chỉnh do xác định lại khung khấu hao một số tài sản cố định quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính;
- (2) Điều chỉnh do xác định lại giá trị thương hiệu của Tổng Công ty và giá trị công cụ, dụng cụ tăng thêm;
- (3) Tăng phải trả về cổ phần hóa do ảnh hưởng do ảnh hưởng của 02 nội dung trên.


Lại Việt Tân
Người lập


Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng


Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

